



**BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN**

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỲ

15

Tháng 8 - 2015

BỘ XÂY DỰNG THỰC HIỆN NGHIÊM TÚC CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG

Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2015



Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng phát biểu tại Hội nghị



Toàn cảnh buổi làm việc

**THÔNG TIN
XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG
MỖI THÁNG 2 KỶ
TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH
NĂM THỨ MƯỜI SÁU

15
SỐ 15- 8/2015



TRUNG TÂM THÔNG TIN

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : (04) 38.215.137

(04) 38.215.138

FAX : (04) 39.741.709

Email: ttth@moc.gov.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW

- Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ đến năm 2030 5
- Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 7
- Thủ tướng Chính phủ chỉ thị tăng cường công tác quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng và quản lý đất đai các dự án ven biển 9

Văn bản của địa phương

- Gia Lai ban hành Quy định về hạn mức giao đất, công nhận quyền sử dụng đất và diện tích tối thiểu được phép tách thửa trên địa bàn tỉnh 10
- Cao Bằng ban hành Quy chế đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh 11
- Lâm Đồng ban hành quy định thang bảng điểm xét duyệt đối tượng, điều kiện được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh 13
- Long An ban hành Quy định đơn giá xây dựng mới loại nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc và đơn giá mốp mả trên địa bàn tỉnh 14

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH
ĐỖ HỮU LỰC
Phó giám đốc Trung tâm
Thông tin

Ban biên tập:

CN. BẠCH MINH TUẤN
(Trưởng ban)

CN. ĐỖ THỊ KIM NHẠN
CN. TRẦN THỊ THU HUYỀN
CN. NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC
CN. NGUYỄN THỊ LỆ MINH
ThS. PHẠM KHÁNH LÝ

Khoa học công nghệ xây dựng

- Nghiệm thu dự án sự nghiệp kinh tế “Thiết kế điển hình công trình cấp xã phục vụ xây dựng nông thôn mới” 16
- Nghiệm thu Dự thảo Tiêu chuẩn Việt Nam “Sơn và vecni - Vật liệu phủ và hệ phủ cho gỗ ngoại thất” 17
- Nghiệm thu các đề tài biên soạn tiêu chuẩn TCVN về yêu cầu an toàn cho máy xây dựng 18
- Bộ Xây dựng thẩm định đề án đề nghị công nhận thị trấn Cái Rồng mở rộng (huyện Vân Đồn - tỉnh Quảng Ninh) là đô thị loại IV 20
- Nghiên cứu hoàn thiện quy hoạch mạng lưới đường đô thị và năng lực giao thông ở các đô thị của Trung Quốc 22
- Nghiên cứu nội hàm văn hóa trong quy hoạch xây dựng đô thị 25
- Vấn đề sử dụng chất thải công nghiệp trong sản xuất vật liệu xây dựng của Nga 27
- Kinh nghiệm ứng dụng công nghệ bê tông cốt thép đúc sẵn và khung bê tông cốt thép lắp ghép của Tập đoàn Consolis trong xây dựng các công trình thương mại 29

Thông tin

- Bộ Xây dựng thực hiện nghiêm túc công tác phòng chống tham nhũng 33
- Thị xã Bỉm Sơn được công nhận là đô thị loại III 34
- Thủ tướng bổ nhiệm Thứ trưởng Bộ Xây dựng 36
- Tặng Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp Xây dựng cho Đại sứ Phần Lan tại Việt Nam 36
- Thứ trưởng Lê Quang Hùng chỉ đạo khắc phục hậu quả mưa lũ tại Quảng Ninh 37
- Đại hội Hiệp hội Tấm lợp Việt Nam nhiệm kỳ 2015 - 2020 39
- Những định hướng cơ bản về phát triển nhà ở tại Liên bang Nga 41
- Các biện pháp bảo vệ môi trường nông thôn ở tỉnh Giang Tô, Trung Quốc 45

VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ đến năm 2030

Ngày 30/7/2015, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1214/QĐ-TTg phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ đến năm 2030 với tính chất: Là thành phố tỉnh lỵ, trung tâm hành chính tổng hợp của tỉnh Phú Thọ, là một trong những trung tâm Khoa học Công nghệ, Giáo dục Đào tạo, Y tế, Văn hóa, Thể thao, Du lịch, đầu tàu thúc đẩy sự phát triển của vùng Trung du miền núi Bắc Bộ và là một cực quan trọng trong mô hình phát triển đa cực của vùng Thủ đô Hà Nội; là thành phố Lễ hội về với cộng đồng dân tộc Việt Nam gắn với du lịch sinh thái đặc trưng của vùng Tây Bắc; là đầu mối giao lưu, đô thị cửa ngõ quan trọng về phía Bắc của vùng Thủ đô Hà Nội, đầu mối giao thông quan trọng nội vùng; là địa bàn trọng điểm chiến lược về quốc phòng, an ninh của vùng cũng như của cả nước.

Theo Quyết định này, quy mô dân số đến năm 2020 đạt khoảng 350.000 - 370.000 người, dân số đô thị khoảng 269.500 người, tỉ lệ đô thị hóa đạt khoảng 77 - 80%; đến năm 2030 đạt khoảng 480.000 - 500.000 người, dân số đô thị khoảng 435.000 người, tỉ lệ đô thị hóa đạt khoảng 80 - 87%. Quy mô đất đai đến năm 2020, đất xây dựng đô thị khoảng 4.169 - 4.300 ha, chỉ tiêu khoảng 150 - 155 m²/người; đến năm 2030, đất xây dựng đô thị khoảng 5.000 - 5.300 ha, chỉ tiêu khoảng 124 - 130 m²/người.

Về cấu trúc không gian đô thị, thành phố Việt Trì được phát triển theo mô hình cấu trúc "Ba trục đồng hành và Một vành đai xanh sinh thái". Trục chính là Trục không gian Lễ hội kết nối không gian đô thị từ ngã ba Bạch Hạc qua trung tâm đến khu Di tích lịch sử Đền Hùng; trục

hành lang dọc tuyến cao tốc Hà Nội - Lào Cai và trục hành lang dọc tuyến đường sắt Hà Nội - Lào Cai. Vành đai xanh ven các sông Hồng, sông Lô bao quanh thành phố là không gian cảnh quan, sinh thái tạo hình ảnh đô thị và kết hợp phát triển du lịch.

Về định hướng phát triển không gian đô thị, khu Di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt Đền Hùng có diện tích khoảng 845 ha. Bảo tồn và phát huy giá trị cảnh quan thiên nhiên, môi trường sinh thái và thực hiện theo Quy hoạch bảo tồn tôn tạo phát huy giá trị khu Di tích lịch sử Đền Hùng được duyệt. Khu vực phía Nam khu Di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt Đền Hùng có diện tích khoảng 185 ha, được phát triển kết nối với không gian thành phố Việt Trì để trở thành khu dịch vụ tổng hợp du lịch văn hóa lịch sử. Khu vực hiện hữu đã phát triển ổn định có diện tích khoảng 3.500 ha, ổn định cấu trúc không gian, cải tạo chỉnh trang đô thị tạo dựng kiến trúc đặc sắc để hình thành Trục không gian Lễ hội Lịch sử Quốc gia từ khu Di tích Đền Hùng đến ngã ba Bạch Hạc. Tại các khu vực phát triển mới có diện tích khoảng 2.500 ha, xây dựng và hoàn thiện các trung tâm cấp vùng như trung tâm Đào tạo, Y tế, Thương mại, Dịch vụ; xây dựng các khu đô thị mới đồng bộ, hiện đại. Vành đai xanh ven các sông Hồng, sông Lô là khu vực hạn chế xây dựng. Khu vực vành đai ven sông Lô là khu vực cảnh quan phục vụ phát triển du lịch. Khu vực vành đai ven sông Hồng được kết nối với không gian trung tâm thành phố Việt Trì và bố trí một số công trình đầu mối hạ tầng giao thông đường thủy phục vụ phát triển du lịch. Về định hướng phát triển công viên cây xanh, gìn

giữ hệ thống cây xanh mặt nước hiện có, xây dựng một số đập nhỏ tạo hệ thống chuỗi hồ từ các khe lạch tự nhiên, tạo dựng hình ảnh sinh thái đặc trưng cho thành phố. Bố trí các khu cây xanh, vườn hoa trong các khu đô thị. Chỉ tiêu cây xanh trung bình đạt khoảng 11 m²/người.

Về định hướng thiết kế đô thị tổng thể, tạo lập diện mạo kiến trúc cảnh quan mới cho thành phố Việt Trì, hình thành tổng thể của vùng cảnh quan văn hóa lịch sử. Thiết lập vành đai xanh sông Hồng, sông Lô, vùng đệm xanh, tái thiết và làm sống động lại mặt tiền đô thị và tạo lập hình ảnh đặc trưng thành phố ngã ba sông. Phát triển các hành lang xanh bảo vệ các vùng thiên nhiên quan trọng như khu Di tích lịch sử Đền Hùng, khu hồ công viên Văn Lang, các vùng đất nông nghiệp và sinh thái đặc trưng, các làng nghề và làng cổ truyền thống, các di tích văn hóa lịch sử, các khu vực cảnh quan ven sông. Bảo tồn, tôn tạo khu Di tích lịch sử Đền Hùng và các khu di tích trong thành phố. Khoanh vùng bảo vệ cảnh quan xung quanh di tích, giải tỏa các công trình xây dựng lấn chiếm đất di tích. Kiểm soát chặt chẽ đối với những thay đổi hay phát triển mới có ảnh hưởng đến các khu vực di sản này. Bảo tồn các điểm di tích ngoài khu vực đô thị trung tâm, cải tạo, chỉnh trang các làng nghề, làng cổ nhằm cân đối giữa việc bảo tồn không gian sinh hoạt truyền thống và đảm bảo sự phát triển bền vững của làng trong quá trình đô thị hóa. Đối với các khu vực đô thị hiện hữu, cải tạo, chỉnh trang đô thị, nghiên cứu tạo dựng sự đặc sắc về kiến trúc. Đặc biệt trong việc hình thành trục không gian lễ hội từ Đền Hùng đến ngã ba Bạch Hạc. Là trục không gian được kiểm soát chặt chẽ, hạn chế phát triển cao tầng, tăng cường cây xanh, mặt nước và các hoạt động công cộng. Thiết lập nhiều không gian mở ở các lõi phố, ô phố, các không gian mở liên thông với hệ thống cảnh quan chung của thành phố. Hình thành các tuyến đi bộ kết nối với không gian công cộng. Khu vực phát triển mở rộng tại các xã

Hùng Lô, Phượng Lâu, Kim Đức, Sông Lô và Trung Vương, ưu tiên phát triển các kiến trúc cao tầng có chức năng hỗn hợp, dành quỹ đất phát triển các công trình hạ tầng đô thị, cây xanh và không gian giao tiếp cộng đồng. Thiết lập tạo điểm nhấn kiến trúc hiện đại tại các khu vực nút giao thông IC7 cao tốc Hà Nội - Lào Cai tại xã Phượng Lâu, đường Trường Chinh, đường Phù Đổng, tuyến quốc lộ 2 nắn mới. Các khu vực thiên nhiên, khu vực nông nghiệp, khu vực bãi sông ngoài đê sông Lô và sông Hồng, bảo tồn cảnh quan nông thôn nguyên gốc, không xây dựng phát triển các công trình cao tầng ảnh hưởng tầm nhìn từ phía sông Hồng và sông Lô.

Về định hướng quy hoạch thoát nước mưa, chọn hệ thống thoát nước kiểu nửa riêng cho các khu dân cư hiện hữu đã xây dựng mật độ cao, mạng lưới thoát nước được cải tạo để đảm bảo vệ sinh, xây dựng thêm hệ thống cống bao trước vị trí cửa xả để tách nước thải dẫn về các trạm xử lý nước thải, xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra sông. Chọn hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn cho khu công nghiệp và các khu đô thị xây dựng mới đồng bộ. Về định hướng quy hoạch cấp nước, tổng nhu cầu sử dụng nước đến năm 2020 là 105.000 m³/ngày đêm, đến năm 2030 là 175.000 m³/ngày đêm. Cải tạo mạng lưới cấp nước khu vực nội thành hiện nay, phân vùng cấp nước để kiểm soát và vận hành có hiệu quả; mở rộng mạng lưới cấp nước của thành phố, tăng phạm vi phục vụ của nhà máy nước Việt Trì ra các khu vực phát triển đô thị mới và vùng phụ cận. Về định hướng quy hoạch thoát nước thải, tỉ lệ thu gom nước thải đối với đô thị đạt 90%, nông thôn đạt 85%, công nghiệp đạt 100%. Tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt năm 2020 là 54.000 m³/ngày đêm, đến năm 2030 là 100.000 m³/ngày đêm. Tổng lưu lượng nước thải công nghiệp năm 2020 là 11.000 m³/ngày đêm, đến năm 2030 là 14.000 m³/ngày đêm. Khu đô thị cũ sử dụng hệ thống thoát nước nửa riêng. Khu đô thị mới sử dụng hệ thống thoát nước riêng. Khu dân cư nông

thôn tập trung sử dụng hệ thống thoát nước chung. Khu công nghiệp, y tế sử dụng hệ thống thoát nước riêng. Về định hướng quy hoạch khu vực xử lý chất thải rắn (CTR), tỉ lệ thu gom CTR sinh hoạt đô thị khoảng 90 - 100%, vùng nông thôn đạt trên 85%, thu gom CTR công nghiệp đạt 100%. Đến năm 2020, khối lượng CTR sinh hoạt là 350 tấn/ngày, tới 2030 là 600 tấn/ngày; CTR công nghiệp đến năm 2020 là 600 tấn/ngày, tới 2030 là 700 tấn/ngày. CTR sinh

hoạt xử lý tại nhà máy xử lý CTR hiện có, công suất 100 tấn/ngày ở xã Vân Phú - Phượng Lâu; CTR công nghiệp thu gom và xử lý tại khu liên hợp xử lý CTR xã Trạm Thẩn, huyện Phù Ninh quy mô 63 ha.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại: www.chinhphu.vn)

Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030

Ngày 31/7/2015, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1226/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 với quan điểm: Phát triển kinh tế - xã hội khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước giai đoạn 2011 - 2020, chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, phát triển hai hành lang một vành đai kinh tế Việt Nam - Trung Quốc, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020 và thống nhất với các quy hoạch ngành trên địa bàn; phát huy các lợi thế về vị trí địa kinh tế và địa chính trị, phát triển khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái với tốc độ tăng trưởng nhanh và bền vững trên cơ sở khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên, ứng dụng và chuyển giao có hiệu quả tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất, nhằm không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; phát triển khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái trở thành khu kinh tế năng động của tỉnh Quảng Ninh và cả nước, là cửa

ngõ trong quan hệ đối ngoại và hợp tác kinh tế quốc tế xứng tầm cỡ của vùng và cả nước trên cơ sở kết nối, giao thương hàng hóa giữa các thị trường lớn trong nước, khu vực và quốc tế.

Theo Quy hoạch này, mục tiêu đến năm 2020, về kinh tế, tăng trưởng GDP bình quân giai đoạn 2015 - 2020 đạt 17,7%, tốc độ tăng trưởng bình quân ngành dịch vụ từ 18 - 20%/năm, công nghiệp từ 20 - 22%/năm, nông nghiệp 6 - 8%/năm. Tỉ trọng cơ cấu kinh tế trong GDP là dịch vụ 59%, công nghiệp - xây dựng 35% và nông, lâm thủy sản 6%. Về xã hội, dân số khoảng 177.000 người, tỉ trọng lao động khu vực nông nghiệp khoảng 24%. Về môi trường, thu gom xử lý 90 - 100% CTR sinh hoạt tại khu đô thị, điểm dân cư nông thôn, 100% CTR và nước thải công nghiệp, 100% CTR y tế, 70% lượng nước thải tại đô thị đảm bảo chuẩn môi trường; giảm tiêu hao năng lượng trên GDP đạt 1 - 1,5% mỗi năm, áp dụng công nghệ sạch trong sản xuất đạt trên 50%. Tầm nhìn đến năm 2030, khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái phát triển thành một trung tâm kinh tế hiện đại, năng động trên vành đai kinh tế Vịnh Bắc Bộ, là một trong những trung tâm du lịch, trung tâm thương mại, dịch vụ tài chính trọng

điểm của tỉnh Quảng Ninh và cả nước, là nơi ứng dụng công nghệ sạch trong sản xuất, gắn với phát triển bền vững và đảm bảo môi trường sinh thái. GDP bình quân đầu người khoảng 22.000 USD, tỉ trọng cơ cấu kinh tế trong GDP: dịch vụ 60%, công nghiệp - xây dựng 37% và nông, lâm thủy sản 3%.

Về định hướng phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vận tải, đẩy mạnh và tập trung đầu tư phát triển hạ tầng giao thông đồng bộ, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái. Tập trung xây dựng hoàn thiện một số dự án lớn trước năm 2020 như: Dự án đường cao tốc Hạ Long - Móng Cái, tuyến đường bộ ven biển, dự án xây dựng cầu Bắc Luân II, đường dẫn cầu từ Bắc Luân II thuộc quy hoạch vành đai III của thành phố Móng Cái, cáp treo ra đảo Vĩnh Thực, các công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm, hệ thống đường thủy Hạ Long - Móng Cái, cảng biển Hải Hà và tuyến đường cao tốc nối liền khu công nghiệp cảng biển Hải Hà với Móng Cái... Về hạ tầng cấp, thoát nước và thủy lợi, xây dựng các công trình hồ chứa nước, hệ thống thủy lợi nhằm khai thác, sử dụng có hiệu quả nguồn nước ngọt trên địa bàn để phục vụ nhu cầu dân sinh, sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ và các ngành kinh tế. Nâng cấp nhà máy nước thị trấn Quảng Hà, xây dựng bổ sung các trạm cấp nước tại các xã, nhà máy nước trong khu công nghiệp - cảng biển Hải Hà, nhà máy nước Quất Đông, mạng lưới cấp nước cho đô thị, khu công nghiệp cảng biển Hải Hà và thành phố Móng Cái nhằm đảm bảo cấp đủ nước hợp vệ sinh cho 100% dân số khu vực đô thị và 90% dân số khu vực nông thôn theo quy mô đô thị loại II, cấp đầy đủ nước phục vụ nhu cầu sản xuất cho các cơ quan, đơn vị và các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn. Xây dựng và nâng cấp hệ thống thoát nước mặt trong khu đô thị, trong các khu, cụm công nghiệp theo quy mô lưu vực và công suất nước thải của các nhà máy, phù hợp với các dự báo về biến đổi khí hậu, chế độ

thủy triều nhằm thuận tiện cho việc cải tạo nâng cấp công trình trong tương lai.

Về định hướng phát triển không gian lãnh thổ, đến năm 2020, khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái có không gian là một tâm, hai cánh công nghiệp và các điểm đột phát du lịch. Sau năm 2020, phát triển không gian khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái theo hướng “1 trục - 2 vùng - 3 trung tâm”. Một trục là những trụ cột kinh tế - xã hội của khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái; hai vùng là vùng phía Bắc (du lịch sinh thái và nông nghiệp, phát triển nông thôn mới và quốc phòng) và vùng phía Nam (du lịch biển đảo cao cấp và đặc sắc); ba trung tâm là thành phố Móng Cái (trọng tâm phát triển), khu công nghiệp Cảng biển Hải Hà và trung tâm tổng hợp mới (nằm ở khoảng giữa thành phố Móng Cái và Hải Hà). Phát triển đô thị khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái thành “thành phố thông minh” thân thiện với môi trường, áp dụng các công nghệ hiện đại vào dịch vụ công. Trung tâm Móng Cái sẽ mở rộng về phía Tây sông Ka Long, tạo nên một khu đô thị mới gọi là khu “Móng Cái mới”. Khu đô thị phía Đông sông Ka Long gọi là khu “Móng Cái cũ”. Sau năm 2020, phát triển trung tâm Móng Cái ở phía Đông và trung tâm Hải Hà ở phía Tây, phát triển đô thị mới ở giữa trung tâm Móng Cái và trung tâm Hải Hà gọi là trung tâm tổng hợp mới. Sau năm 2025, trung tâm hành chính Móng Cái sẽ chuyển về trung tâm tổng hợp mới.

Về bảo vệ môi trường, xây dựng nhà máy xử lý nước thải tại các khu công nghiệp; xây dựng nhà máy xử lý rác thải đô thị, chất thải y tế, đồng thời xây dựng kế hoạch di dời các nhà máy có mức phát thải cao, công nghệ lạc hậu ra khỏi các khu dân cư và khu du lịch trọng điểm.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại: www.chinhphu.vn)

Thủ tướng Chính phủ chỉ thị tăng cường công tác quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng và quản lý đất đai các dự án ven biển

Ngày 24/7/2015, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 20/CT-TTg về việc tăng cường công tác quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng và quản lý đất đai các dự án ven biển.

Theo Chỉ thị này, quy hoạch xây dựng và công tác quản lý đầu tư xây dựng theo quy hoạch chưa được quan tâm đúng mức nên chưa đáp ứng được yêu cầu quản lý và phát triển; nhiều dự án tập trung ven biển dẫn đến thiếu không gian, cự ly cần thiết để tạo không gian công cộng dành cho cộng đồng. Tình trạng ô nhiễm môi trường sinh thái còn trầm trọng. Quy hoạch sử dụng đất chưa sát thực tế dẫn tới tình trạng dự án “treo”, gây lãng phí đất đai. Việc lập quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc khu vực ven biển và thực hiện theo quy chế chưa nghiêm túc; nhiều dự án triển khai xây dựng chậm, không được triển khai do vướng mắc trong thủ tục cấp phép xây dựng, giao đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng.

Để tăng cường công tác quản lý về quy hoạch, đầu tư xây dựng và đảm bảo khai thác hiệu quả, bền vững quỹ đất ven biển, ứng phó, thích nghi với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, Thủ tướng Chính phủ chỉ thị các Bộ, ngành, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có bờ biển và chính quyền đô thị các cấp thực hiện một số nhiệm vụ.

Cụ thể, Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có bờ biển rà soát công tác lập và phê duyệt quy hoạch xây dựng để kịp thời kiến nghị điều chỉnh các văn bản pháp luật, bổ sung các quy chuẩn, tiêu chuẩn thiết kế quy hoạch xây dựng, đáp ứng yêu cầu phát triển dài hạn của khu vực ven biển; rà soát công tác quản lý dự án đầu tư xây dựng, phát triển đô thị trên cơ sở các quy định của Nghị

định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 về quản lý đầu tư phát triển đô thị và theo chức năng, nhiệm vụ của mình để kiến nghị cơ quan có thẩm quyền phân loại dự án ưu tiên đầu tư xây dựng, tạm dừng để điều chỉnh cho phù hợp hoặc thu hồi; cũng như kiến nghị về giải pháp đối với từng nhóm dự án và một số dự án có tính chất đặc biệt nhằm đảm bảo việc đầu tư xây dựng có hiệu quả, tránh lãng phí đất đai, bảo vệ môi trường và ứng phó, thích nghi với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; thực hiện kiểm tra, giám sát, đôn đốc các địa phương trong việc quản lý quy hoạch xây dựng khu vực ven biển, quản lý đầu tư xây dựng tại các dự án ven biển, đặc biệt là công tác công khai và cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng để người dân địa phương cùng tham gia kiểm tra, giám sát.

Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương liên quan tiếp tục rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật về đất đai, đặc biệt chú trọng các quy định về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; về giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; về quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất trong khu vực phải chuyển đổi mục đích sử dụng đất hoặc phải thu hồi để thực hiện dự án đầu tư theo quy hoạch; tăng cường kiểm tra, giám sát, đôn đốc các địa phương quản lý các dự án, bảo vệ tài nguyên và môi trường đất đai ven biển; thực hiện nghiêm quy định pháp luật về xử lý ô nhiễm và bảo vệ môi trường; xây dựng kịch bản nước biển dâng để kịp thời điều chỉnh quy hoạch, kết cấu hạ tầng xây dựng nếu cần thiết; chỉ đạo thực hiện các giải pháp ứng phó, thích nghi với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, cải thiện môi trường bị ô nhiễm.

Bộ Kế hoạch và đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, rà soát và đề xuất giải pháp xử lý dứt điểm đối với các dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư, bàn giao đất nhưng không triển khai thực hiện; dự án triển khai chậm chùng, chậm tiến độ, chậm nộp tiền thuê đất; dự án được cấp ưu đãi không đúng quy định; dự án không thực hiện đúng nội dung Giấy chứng nhận đầu tư; dự án chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng quyền sử dụng đất không đúng quy định của pháp luật.

UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có bờ biển kiểm tra, đánh giá sự phù hợp của các dự án đầu tư tại khu vực ven biển với quy hoạch xây dựng đã được phê duyệt; rà soát tổng thể các dự án để điều chỉnh quy hoạch xây dựng và quy hoạch sử dụng đất đảm bảo lợi ích cộng đồng dân cư và doanh nghiệp đầu tư trên địa bàn; khai thác sử dụng không gian ven biển hiệu quả, thích ứng với biến đổi khí hậu và đảm bảo an ninh quốc phòng; tổ chức lập quy hoạch xây dựng khu vực ven biển, làm cơ sở pháp lý, kiểm soát phát triển các dự án ven biển; đảm bảo quỹ đất bố trí khu dịch vụ công cộng, công viên, quảng trường, bãi tắm công cộng phục vụ dân cư và khách du lịch, công trình hạ tầng kỹ thuật, khu vực bảo tồn, phòng hộ...; tổ chức quản lý thực hiện các đồ án quy hoạch xây dựng được duyệt trên cơ sở áp dụng đồng bộ các biện pháp: Ban hành Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đối với khu vực ven biển nhằm

kiểm soát, quản lý không gian kiến trúc cảnh quan của khu vực, làm cơ sở cấp phép xây dựng và triển khai các dự án đầu tư xây dựng, tổ chức công bố và công khai các đồ án quy hoạch xây dựng để dân biết, dân kiểm tra và thực hiện; tăng cường kiểm tra việc thực hiện dự án đầu tư xây dựng và công trình xây dựng theo quy hoạch xây dựng được duyệt, Giấy phép xây dựng bảo đảm chất lượng kiến trúc, cảnh quan và môi trường; rà soát, điều chỉnh các dự án ven biển trong quá trình triển khai quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và lập kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016 - 2020) của địa phương; xử lý cương quyết và dứt điểm các trường hợp vi phạm trật tự xây dựng, điều chỉnh quy hoạch xây dựng không đúng thẩm quyền và quy định của pháp luật; xây dựng không đúng với quy hoạch, xây dựng không phép hoặc xây dựng sai giấy phép; tự ý điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất và chuyển đổi mục đích sử dụng đất không đúng thẩm quyền và không phù hợp với quy hoạch xây dựng được phê duyệt.

Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có bờ biển và chính quyền các cấp phải có kế hoạch tổ chức thực hiện Chỉ thị này.

(Xem toàn văn tại: www.chinhphu.vn)

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Gia Lai ban hành Quy định về hạn mức giao đất, công nhận quyền sử dụng đất và diện tích tối thiểu được phép tách thửa trên địa bàn tỉnh

Ngày 26/6/2015, UBND tỉnh Gia Lai đã có Quyết định số 14/2015/QĐ-UBND ban hành Quy định về hạn mức giao đất, công nhận quyền sử dụng đất và diện tích tối thiểu được

phép tách thửa trên địa bàn tỉnh.

Theo Quy định này, hạn mức công nhận đất ở cho mỗi hộ gia đình có từ 01 đến 04 nhân khẩu cụ thể như sau: Các phường thuộc đô thị

loại 3 trở lên bằng 450 m²; các phường, thị trấn thuộc đô thị loại 4 bằng 600 m²; các xã, thị trấn còn lại bằng 800 m². Đối với những hộ gia đình có từ 05 nhân khẩu trở lên thì cứ 01 nhân khẩu được cộng thêm số diện tích theo từng đơn vị quy định sau vào diện tích công nhận, nhưng số lượng nhân khẩu được cộng không quá 08 nhân khẩu: Các phường thuộc đô thị loại 3 trở lên bằng 40 m²; các phường, thị trấn thuộc đô thị loại 4 bằng 50 m²; các xã, thị trấn còn lại bằng 75 m².

Hạn mức giao đất trồng, đồi núi trọc, đất có mặt nước thuộc nhóm đất chưa sử dụng cho hộ gia đình, cá nhân đưa vào sử dụng theo quy hoạch để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản quy định tại Khoản 5, Điều 129, Luật đất đai được quy định cụ thể như sau: Đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản: Không quá 20.000 m² (02 ha) đối với mỗi loại đất; đất trồng cây lâu năm: Không quá 300.000 m² (30 ha); đất trồng rừng phòng hộ, rừng sản xuất: Không quá 300.000 m² (30 ha) cho mỗi loại đất.

Hạn mức đất giao cho mỗi hộ gia đình, cá nhân để làm nhà ở theo quy định tại Điều 143 và 144, Luật đất đai được quy định cụ thể như

sau: Các phường thuộc đô thị loại 3 trở lên không quá 150 m²; các phường, thị trấn thuộc đô thị loại 4: Không quá 200 m²; các đô thị loại 5 và các xã thuộc đô thị loại 3 trở lên: Không quá 300 m²; các xã, thị trấn còn lại: Không quá 400 m².

Thửa đất mới hình thành và thửa đất còn lại sau khi tách thửa diện tích tối thiểu phải đảm bảo các yêu cầu sau: Đối với phường, thị trấn, đối với đường có chỉ giới lớn hơn hoặc bằng 20 m thì diện tích tối thiểu của thửa đất lớn hơn hoặc bằng 45 m² và bề rộng không nhỏ hơn 3 m, chiều sâu không nhỏ hơn 5 m; đối với các đường còn lại thì diện tích tối thiểu của thửa đất lớn hơn hoặc bằng 36 m² và bề rộng không nhỏ hơn 3 m, chiều sâu không nhỏ hơn 5 m; đối với các xã còn lại, diện tích tối thiểu của thửa đất lớn hơn hoặc bằng 50 m² và bề rộng không nhỏ hơn 4 m, chiều sâu không nhỏ hơn 5 m. Các thửa đất mới hình thành và thửa đất còn lại sau khi tách thửa phải đảm bảo có lối đi vào thửa đất.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại: www.gialai.gov.vn)

Cao Bằng ban hành Quy chế đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh

Ngày 30/6/2015, UBND tỉnh Cao Bằng đã có Quyết định số 161/2015/QĐ-UBND ban hành Quy chế đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh.

Theo Quy chế này, các trường hợp được Nhà nước giao đất hoặc cho thuê đất theo hình thức đấu giá bao gồm: Đầu tư xây dựng nhà ở để bán hoặc cho thuê hoặc cho thuê mua; đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng để chuyển nhượng hoặc cho thuê; sử dụng quỹ đất để tạo vốn cho

đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng; sử dụng đất thương mại, dịch vụ, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; cho thuê đất thuộc quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản; giao đất, cho thuê đất đối với đất Nhà nước thu hồi do sắp xếp lại, xử lý trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh mà tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu nhà nước; giao đất ở tại đô thị, nông thôn cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất, cho thuê đất đối

với các trường hợp được giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

Điều kiện về các thửa đất được tổ chức đấu giá, thửa đất phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt; phù hợp với quy hoạch ngành, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và có đủ các điều kiện sau: Quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 do đơn vị có tư cách pháp nhân lập, được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt (trong đó đã xác định chức năng sử dụng đất, mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, các yêu cầu về kiến trúc, cảnh quan và các thông số hạ tầng khác) hoặc văn bản của cơ quan nhà nước xác định về chức năng sử dụng đất, trừ thửa đất nhỏ lẻ trong khu dân cư; đã hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng và xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng đồng bộ theo dự án đầu tư đã được duyệt, đối với khu đất xen kẽ nhỏ lẻ trong khu dân cư, không nhất thiết phải xây dựng cơ sở hạ tầng nếu tận dụng được hạ tầng kỹ thuật tại khu dân cư; có quyết định đấu giá của UBND tỉnh phê duyệt.

Cũng theo Quy chế này, UBND tỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất trong các trường hợp: Giao đất, cho thuê đất đối với tổ chức; giao đất đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở để bán hoặc để bán kết hợp cho thuê; cho thuê đất đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, đất xây dựng công trình công cộng có mục đích kinh doanh, đất để thực hiện dự án đầu tư nhà ở để cho thuê, đất để xây dựng công trình sự nghiệp; cho thuê đất đối với tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao. UBND các huyện, thành phố quyết định giao đất, cho thuê đất đối với hộ gia đình, cá nhân. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân thuê đất để sử dụng vào mục

đích thương mại, dịch vụ với diện tích từ 0,5 ha trở lên thì phải có văn bản chấp thuận của UBND tỉnh trước khi quyết định.

Các đối tượng là tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất theo quy định của Luật Đất đai, có nhu cầu sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư hoặc làm nhà ở theo quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, được đăng ký tham gia đấu giá khi có đủ các điều kiện: Có đơn đề nghị được tham gia đấu giá theo mẫu do đơn vị thực hiện cuộc bán đấu giá quyền sử dụng đất phát hành, trong đó có nội dung cam kết sử dụng đất đúng mục đích, đúng quy hoạch khi trúng đấu giá. Điều kiện về vốn và kỹ thuật hoặc khả năng tài chính, đối với tổ chức phải có đủ điều kiện về vốn và kỹ thuật để thực hiện dự án hoặc phương án đầu tư theo quy định của pháp luật; đối với hộ gia đình, cá nhân phải có đủ điều kiện về khả năng tài chính để thực hiện dự án hoặc phương án đầu tư theo quy định của pháp luật. Trường hợp đấu giá đất đã chia lô (thửa) làm nhà ở của hộ gia đình, cá nhân thì hộ gia đình, cá nhân tham gia đấu giá không cần điều kiện này. Một hộ gia đình chỉ được một cá nhân tham gia đấu giá; một tổ chức chỉ được một đơn vị tham gia đấu giá; có hai doanh nghiệp trở lên thuộc cùng một Tổng Công ty thì chỉ một doanh nghiệp được tham gia đấu giá; Tổng công ty với Công ty thành viên, Công ty mẹ và Công ty con, doanh nghiệp liên doanh với một bên góp vốn trong liên doanh thì chỉ được một doanh nghiệp tham gia đấu giá.

Các khiếu nại, tố cáo có liên quan đến quá trình tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất được giải quyết theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo; pháp luật về đất đai và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại: www.caobang.gov.vn)

Lâm Đồng ban hành quy định thang bảng điểm xét duyệt đối tượng, điều kiện được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh

Ngày 07/7/2015, UBND tỉnh Lâm Đồng đã có Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ban hành quy định thang bảng điểm xét duyệt đối tượng, điều kiện được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh.

Theo Quy định này, nguyên tắc xét duyệt đối tượng được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng theo dự án là: Trường hợp hồ sơ đăng ký mua, thuê, thuê mua (hợp lệ) bằng hoặc ít hơn tổng số căn hộ do chủ đầu tư công bố thì việc lựa chọn căn hộ thực hiện theo hình thức thỏa thuận giữa chủ đầu tư và khách hàng; trường hợp hồ sơ đăng ký mua, thuê, thuê mua (hợp lệ) nhiều hơn tổng số căn hộ do chủ đầu tư công bố thì việc xét duyệt, lựa chọn đối tượng thực hiện theo hình thức chấm điểm theo tiêu chí quy định tại Khoản 2 Điều 16 Thông tư số 08/2014/TT-BXD ngày 23/5/2014 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 188/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội và theo quy định tại Khoản 2 Điều này. Sau khi xét duyệt, lựa chọn đủ hồ sơ hợp lệ tương ứng với tổng số căn hộ do chủ đầu tư công bố thì việc xác định cụ thể từng căn hộ trước khi ký hợp đồng thực hiện theo nguyên tắc thỏa thuận giữa chủ đầu tư và khách hàng. Trường hợp người mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội không đạt được nhu cầu, nguyện vọng của mình tại dự án đã đăng ký thì được nhận lại hồ sơ để đăng ký tại các dự án khác.

Quy trình chấm điểm xét duyệt đối tượng được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội, sau khi Chủ đầu tư tiếp nhận đủ thành phần hồ sơ đề nghị mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội, căn cứ thành phần hồ sơ và nguyên tắc, tiêu chí xét duyệt đối tượng được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội quy định tại Điều 3 Quy định này và

các quy định khác tại Thông tư số 08/2014/TT-BXD, Chủ đầu tư tiến hành chấm điểm theo 2 bước sau: Bước 1 tiến hành chấm điểm các tiêu chí khó khăn về nhà ở, về đối tượng và các tiêu chí khác theo quy định tại Khoản 2 Điều 16 của Thông tư số 08/2014/TT-BXD của Bộ Xây dựng; bước 2 chấm điểm theo thang bảng điểm quy định tại Khoản 2 Điều 3 của Quy định này. Căn cứ vào nhu cầu số lượng căn hộ cần bán của dự án, chọn đối tượng có tổng số điểm đã chấm từ cao đến thấp.

Trường hợp các hồ sơ có tổng số điểm bằng nhau thì xử lý ưu tiên theo thứ tự như sau: Căn cứ vào thứ tự tại thang bảng điểm nêu trên để xét thứ tự ưu tiên; đối với trường hợp hộ gia đình được nhiều Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ hoặc các Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh, giấy khen của các Sở, ban, ngành hoặc UBND cấp huyện được ưu tiên; ưu tiên chọn đối tượng là hộ gia đình quân nhân, lực lượng vũ trang đang công tác ở biên giới, hải đảo, người đồng bào dân tộc, nữ chủ hộ hoàn cảnh khó khăn. Trường hợp số hồ sơ đề nghị mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội sau khi chấm điểm nhiều hơn số căn hộ cần bán của dự án thì Chủ đầu tư có trách nhiệm thông báo cho người mua, thuê, thuê mua biết lý do chưa được giải quyết. Chủ đầu tư dự án nhà ở xã hội có trách nhiệm tổng hợp danh sách các đối tượng dự kiến được giải quyết mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội theo thứ tự ưu tiên gửi về Sở Xây dựng để kiểm tra.

Cũng theo Quyết định này, Sở Xây dựng có trách nhiệm hướng dẫn các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện theo đúng quy định này; công bố công khai các nội dung dự án xây dựng nhà ở xã hội tại trụ sở của Sở Xây dựng, trang thông tin điện tử của Sở Xây dựng và phương tiện truyền thông. Kiểm tra các thông tin liên

quan đến dự án xây dựng nhà ở thu nhập thấp về tổng số căn hộ, thời điểm bán, cho thuê, thuê mua của chủ đầu tư. Tiếp nhận và kiểm tra, đối chiếu danh sách đối tượng được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban ngành và đơn vị liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy định. Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất việc xét duyệt đối tượng được mua nhà ở xã hội; báo cáo, đề xuất hình thức xử lý trình UBND tỉnh quyết định đối với các hành vi vi phạm (nếu có)

của các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan; định kỳ hoặc đột xuất báo cáo Bộ Xây dựng và UBND tỉnh về tình hình triển khai, thực hiện của các tổ chức, cá nhân và đối tượng được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại:
www.lamdong.gov.vn)

Long An ban hành Quy định đơn giá xây dựng mới loại nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc và đơn giá mốp má trên địa bàn tỉnh

Ngày 27/7/2015, UBND tỉnh Long An đã có Quyết định số 30/2015/QĐ-UBND ban hành Quy định đơn giá xây dựng mới loại nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc và đơn giá mốp má trên địa bàn tỉnh.

Theo Quy định này, đơn giá xây dựng mới loại nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc và đơn giá mốp má ban hành kèm theo Quyết định này được áp dụng trong việc bồi thường thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất, tính lệ phí trước bạ, tính giá bán nhà thuộc sở hữu nhà nước và cho các trường hợp khác có sử dụng đơn giá này trên địa bàn tỉnh Long An. Biểu tỉ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà đã qua sử dụng được áp dụng trong trường hợp tính lệ phí trước bạ đối với nhà đã qua sử dụng.

Đối với trường hợp chuyển nhượng quyền sở hữu nhà nếu tính theo bảng giá quy định tại Quyết định này thấp hơn giá ghi trên hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhà hoặc hóa đơn hợp pháp thì tính theo giá ghi trên hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhà hoặc hóa đơn hợp pháp.

Đối với nhà ở kiên cố, cụ thể là nhà ở 1 tầng loại nhà liên kết có kết cấu đơn giản gồm móng xây gạch (hoặc móng bê tông), cột xây gạch,

tường bao che xây gạch (hoặc vách bao che bằng tôn thiếc, tấm Fibro ximăng), nền lát gạch men, xà gỗ gỗ hoặc thép, gác lên tường thu hồi, mái ngói (chưa tính trần) có đơn giá là 2.590.000 đ/m² XD, mái Fibro ximăng hoặc tôn thiếc (chưa tính trần) có đơn giá là 2.390.000 đ/m² XD; với kết cấu đơn giản gồm móng, cột, đà BTCT, tường xây gạch, nền lát gạch men, xà gỗ gỗ hoặc thép, mái ngói (chưa tính trần) có đơn giá là 3.050.000 đ/m² XD, mái Fibro ximăng hoặc tôn thiếc (chưa tính trần) có đơn giá là 2.840.000 đ/m² XD, mái BTCT có đơn giá là 3.490.000 đ/m² XD. Nhà riêng lẻ có kết cấu móng xây gạch (hoặc móng bê tông), cột gạch, tường bao che xây gạch, nền lát gạch men, xà gỗ gỗ hoặc thép gác lên tường thu hồi, mái Fibro ximăng hoặc tôn thiếc (chưa tính trần) có đơn giá là 2.630.000 đ/m² XD; với kết cấu móng, cột, đà BTCT, tường bao che xây gạch sơn nước, nền lát gạch men, xà gỗ gỗ hoặc thép, mái ngói (chưa tính trần) có đơn giá là 4.025.000 đ/m² XD, mái Fibro ximăng hoặc tôn thiếc (chưa tính trần) có đơn giá là 3.770.000 đ/m² XD, mái BTCT có đơn giá là 4.465.000 đ/m² XD.

Đối với nhà ở 2 tầng, loại nhà liên kết có kết

cấu móng, cột, đà, sàn BTCT, tường xây gạch, nền lát gạch men, xà gỗ gỗ hoặc thép mái ngói (chưa tính trần) có đơn giá là 3.620.000 đ/m² XD, mái Fibro ximăng hoặc tôn thiếc (chưa tính trần) có đơn giá 3.370.000 đ/m² XD, mái BTCT có đơn giá 4.200.000 đ/m² XD. Với loại nhà riêng lẻ có kết cấu móng, cột, đà, sàn BTCT, tường xây gạch, nền lát gạch men, xà gỗ gỗ hoặc thép, mái ngói (chưa tính trần) có đơn giá là 4.400.000 đ/m² XD, mái Fibro ximăng hoặc tôn thiếc (chưa tính trần) có đơn giá 4.130.000 đ/m² XD, mái BTCT có đơn giá 4.600.000 đ/m² XD.

Đối với nhà ở 3 tầng, loại nhà liên kế có kết cấu móng, cột, đà, sàn BTCT, tường xây gạch, nền lát gạch men, xà gỗ gỗ hoặc thép, mái ngói (chưa tính trần) có đơn giá 4.300.000 đ/m² XD, mái Fibro ximăng hoặc tôn thiếc (chưa tính trần) có đơn giá 3.980.000 đ/m² XD, mái BTCT có đơn giá 4.700.000 đ/m² XD; loại nhà riêng lẻ có kết cấu móng, cột, đà, sàn BTCT, tường xây gạch, nền gạch men, xà gỗ gỗ hoặc thép mái ngói (chưa tính trần) có đơn giá 4.600.000 đ/m² XD, mái Fibro ximăng hoặc tôn thiếc (chưa tính trần) có đơn giá 4.400.000 đ/m² XD, mái BTCT có đơn giá 4.750.000 đ/m² XD.

Đối với nhà bán kiên cố, loại có kết cấu nhà là cột gỗ xẻ (kê tán), xà gỗ gỗ hoặc thép, vách ván hoặc tôn thiếc, nền gạch tàu hoặc láng ximăng có đơn giá 1.450.000 đ/m² XD; loại có kết cấu nhà là mái lá, cột bê tông đúc sẵn hoặc thép, xà gỗ gỗ nhóm 4 hoặc thép, vách lá, cửa đi, cửa sổ, vách trước đóng ván, nền đất có đơn giá 550.000 đ/m² XD.

Đối với nhà tạm, loại có kết cấu nhà là mái vách lá, cột kèo bạch đàn hoặc những loại tương đương, đỡ mái bằng tầm vông hoặc những loại tương đương, nền đất có đơn giá 430.000 đ/m² XD; đối với các công trình phụ (nhà bếp, chuồng trại...) có cùng kết cấu như trên mà chiều cao cột biên của công trình nhỏ hơn hoặc bằng 2 m được áp dụng 50% đơn giá quy định nêu trên, chiều cao cột biên của công trình lớn hơn 2 m được áp dụng 100% đơn giá quy định nêu trên.

Quy định này cũng quy định thông số về tỉ trọng (%) kết cấu nhà ở. Cụ thể, tỉ trọng móng - tường - nền sàn - kết cấu đỡ mái - mái của loại nhà ở 1 tầng có nhà móng xây gạch (hoặc móng đà bê tông) cột gạch lần lượt là 10 - 15 - 10 - 10 - 15. Tỉ trọng móng - khung cột - tường - nền sàn - mái của nhà 1 tầng có nhà móng cột đà BTCT lần lượt là 10 - 15 - 8 - 19 - 13, của nhà ở 2 tầng hoặc 3 tầng và nhà ở từ 4 tầng trở lên lần lượt là 8 - 15 - 20 - 17 - 18 và 8 - 16 - 20 - 16 - 16. Tỉ trọng khung cột - tường - nền sàn - kết cấu mái - mái đối với nhà bán kiên cố và nhà tạm lần lượt là 30 - 16 - 5 - 10 - 15 và 20 - 16 - 5 - 10 - 15.

Ngoài ra, Quy định này còn quy định biểu tỉ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà ở đã qua sử dụng chịu lệ phí trước bạ và đơn giá của một số vật kiến trúc và kết cấu khác.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại: www.longan.gov.vn)

Nghiệm thu dự án sự nghiệp kinh tế “Thiết kế điển hình công trình cấp xã phục vụ xây dựng nông thôn mới”

Ngày 30/7/2015, Hội đồng KHCN Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị nghiệm thu dự án sự nghiệp kinh tế “Thiết kế điển hình công trình cấp xã phục vụ công tác xây dựng nông thôn mới” (dự án) do Viện Kiến trúc quốc gia thực hiện. TS. Nguyễn Trung Hòa - Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và môi trường Bộ Xây dựng - Chủ tịch Hội đồng chủ trì Hội nghị.

Báo cáo Hội đồng về kết quả của Dự án, đại diện nhóm nghiên cứu của Viện Kiến trúc quốc gia cho biết, trên cơ sở kết quả khảo sát thực tế mô hình chợ cấp xã, nhà ở nông thôn ở các vùng, miền trên toàn quốc, nhóm nghiên cứu đã đưa ra các thiết kế điển hình chợ cấp xã và 27 mẫu nhà ở nông thôn nhằm phục vụ Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Các mẫu thiết kế chợ, nhà ở nông thôn được xây dựng có sự kế thừa các mô hình chợ, nhà ở truyền thống, phù hợp với điều kiện tự nhiên, điều kiện khí hậu của từng vùng, miền, như vùng cao, vùng đồng bằng Bắc Bộ, vùng thường xuyên bị ngập lụt ở Trung Bộ, vùng sông nước đồng bằng Sông Cửu Long... Bên cạnh đó, các công trình nhà ở nông thôn được thiết kế đơn giản, chắc chắn, tận dụng ánh sáng tự nhiên, đảm bảo sự thông thoáng,...

Đánh giá về các sản phẩm của dự án, các chuyên gia phản biện và thành viên Hội đồng bày tỏ sự đồng tình với đề xuất của nhóm nghiên cứu. Các mẫu thiết kế có hình thức và kỹ thuật xây dựng đơn giản, thợ xây dựng địa phương có thể dễ dàng thực hiện, trong đó nhiều mẫu thể hiện được tính đặc trưng của vùng miền, có khả năng áp dụng linh hoạt trong thực tiễn.

Theo KTS Vũ Xuân Thiện - Phó Cục trưởng Cục Quản lý nhà và thị trường bất động sản - thành viên của Hội đồng, Dự án thiết kế điển



Toàn cảnh cuộc họp của Hội đồng nghiệm thu

hình công trình cấp xã phục vụ công tác xây dựng nông thôn mới được nhóm tác giả nghiên cứu, thực hiện công phu, chất lượng, nội dung đã cơ bản đáp ứng được mục tiêu ban đầu đặt ra, góp phần hình thành hình ảnh tổng thể kiến trúc các thị tứ, trung tâm xã, cụm xã, đáp ứng được yêu cầu của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Bên cạnh đó, các thiết kế điển hình đề xuất đảm bảo tuân theo các quy định của quy hoạch xây dựng, khuyến khích xây dựng các công trình ít tầng, mái dốc, kế thừa hình thức kiến trúc truyền thống. Dự án đã đề xuất các mẫu thiết kế và giải pháp đúng đắn về nhà ở và chợ nông thôn đáp ứng tốt nhu cầu của cuộc sống người dân nông thôn cấp xã. Có thể sử dụng các sản phẩm của Dự án như là tài liệu tham khảo, hướng dẫn cho công tác lập quy hoạch, thiết kế, xây dựng các khu dân cư nông thôn mới.

Đồng tình với các đánh giá của các chuyên gia phản biện và các thành viên Hội đồng, TS. Nguyễn Trung Hòa đề nghị Viện Kiến trúc quốc gia và nhóm nghiên cứu tiếp thu các ý kiến góp ý để hoàn thiện Dự án, trình lãnh đạo Bộ Xây dựng phê duyệt.

Trần Đình Hà

Nghiệm thu Dự thảo Tiêu chuẩn Việt Nam “Sơn và vecni - Vật liệu phủ và hệ phủ cho gỗ ngoại thất”

Ngày 03/8/2015, Hội đồng KHCN chuyên ngành Bộ Xây dựng đã họp nghiệm thu Dự thảo Tiêu chuẩn Việt Nam “Sơn và vecni - Vật liệu phủ và hệ phủ cho gỗ ngoại thất” mã số TC 68-14 do KS. Vũ Thị Duyên - Viện Vật liệu Xây dựng, Bộ Xây dựng làm chủ nhiệm đề tài. Cuộc họp do TS. Lê Trung Thành - Vụ trưởng Vụ KHCN & Môi trường, Bộ Xây dựng chủ trì.

Báo cáo tóm tắt thuyết minh Dự thảo tiêu chuẩn, KS. Vũ Thị Duyên cho biết: gỗ sử dụng ngoài trời tại các công trình xây dựng thường xuyên tiếp xúc trực tiếp với nước mưa, ánh nắng mặt trời, các tác nhân làm thay đổi kích thước, gây rạn nứt, cong vênh dẫn đến mục ruỗng bên trong. Do đó, sơn và vecni cho gỗ cần đảm bảo giá trị thật của gỗ, đồng thời tạo khả năng chống thấm, hạn chế sự phát triển của nấm mốc, khắc phục được các hiện tượng bức xạ của mặt trời, bền với thời tiết.

Trên thế giới hiện nay, hệ thống tiêu chuẩn quy định vật liệu phủ áp dụng cho gỗ tương đối đầy đủ, gồm những quy định chung cho vật liệu phủ và hệ phủ cho gỗ ngoại thất - phân loại và lựa chọn, yêu cầu kỹ thuật, các phương pháp thử như phép thử phong hóa tự nhiên, phép thử độ thấm nước, thử nghiệm độ bền phong hóa nhân tạo với tia UV và nước... đồng thời so sánh, đánh giá chất lượng giữa các loại sơn và vecni áp dụng cho gỗ. Trong khi đó, Việt Nam chưa có hệ thống TCVN quy định chung cho loại vật liệu này. Do đó, việc nghiên cứu xây dựng hệ thống tiêu chuẩn đối với vật liệu phủ và hệ phủ dùng cho gỗ ngoại thất phù hợp điều kiện khí hậu của Việt Nam và hội nhập các tiêu chuẩn quốc tế là rất cần thiết.

Qua nghiên cứu, nhóm đề tài đã lựa chọn hệ thống tiêu chuẩn BS EN 927 làm cơ sở biên soạn Dự thảo, gồm các phần tương đương với các nội dung của tiêu chuẩn gốc: phân loại và



Toàn cảnh cuộc họp

lựa chọn; yêu cầu chất lượng; phép thử thời tiết tự nhiên; đánh giá độ thấm nước dạng lỏng; phép thử thời tiết nhân tạo bằng cách phơi mẫu dưới huỳnh quang UV và nước. Nhóm tuân thủ việc chuyển dịch toàn bộ tiêu chuẩn gốc. Một số nội dung như phân loại theo điều kiện phơi mẫu, nhóm đã biên soạn lại cho phù hợp với điều kiện khí hậu nóng ẩm của Việt Nam - khu vực có sự chênh lệch lớn về độ ẩm, nhiệt độ so với châu Âu. Bên cạnh đó, nhóm cũng tham khảo các tiêu chuẩn nước ngoài tương đương khác như ASTM, ISO, JIS, và các tiêu chuẩn TCVN liên quan để biên soạn và trích dẫn.

Phạm vi áp dụng, đối tượng áp dụng của tiêu chuẩn được xác định rõ trong đề tài. Theo đó, tiêu chuẩn quy định phương pháp thử và yêu cầu kỹ thuật đối với các sản phẩm sơn và vecni sử dụng cho gỗ ngoại thất; khuyến khích các cơ sở, nhà máy sản xuất và các đơn vị xuất nhập khẩu trong và ngoài nước áp dụng.

Nhận xét về đề tài, Hội đồng đánh giá cao nỗ lực, khả năng biên dịch tốt của nhóm đề tài. Các thành viên Hội đồng đều đồng tình với tính cấp thiết của một bộ tiêu chuẩn TCVN sơn và vecni cho gỗ ngoại thất, để có thể kiểm soát tốt hơn chất lượng các vật liệu phủ và hệ phủ sử dụng cho gỗ hiện nay, là công cụ hữu dụng trong quản lý chất lượng các sản phẩm cùng

loại được nhập khẩu hoặc sản xuất trong nước, góp phần ổn định và nâng cao chất lượng sản phẩm. Để Dự thảo hoàn thiện, tiêu chuẩn sớm được ban hành và ứng dụng vào thực tế xây dựng của Việt Nam, Hội đồng đã đóng góp nhiều ý kiến thiết thực về thuật ngữ, chuyên môn; thảo luận về vấn đề kiểm chứng tiêu chuẩn trong điều kiện khí hậu nước ta, để tăng

độ thuyết phục và độ tin cậy cho tiêu chuẩn khi được ban hành.

Đồng tình với các nhận xét, đánh giá của Hội đồng nghiệm thu, Chủ tịch Hội đồng - TS. Lê Trung Thành nhất trí thông qua đề tài, kết quả bỏ phiếu xếp loại Xuất sắc.

Lê Minh

Nghiệm thu các đề tài biên soạn tiêu chuẩn TCVN về yêu cầu an toàn cho máy xây dựng

Ngày 07/8/2015, tại Bộ Xây dựng, Hội đồng Khoa học kỹ thuật chuyên ngành Bộ Xây dựng đã tiến hành nghiệm thu kết quả của các đề tài biên soạn tiêu chuẩn TCVN về yêu cầu an toàn cho máy xây dựng do Trường Đại học Xây dựng thực hiện. TS. Nguyễn Trung Hòa làm Chủ tịch Hội đồng.

Nhằm đáp ứng mục tiêu hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn TCVN về yêu cầu an toàn cho máy xây dựng, Bộ Xây dựng đã giao Trường Đại học Xây dựng triển khai 08 đề tài biên soạn các tiêu chuẩn của Châu Âu thành tiêu chuẩn TCVN bao gồm: TCVN “Máy sản xuất các sản phẩm xây dựng từ bê tông và vôi cát - an toàn - Phần 1: Yêu cầu chung”, TCVN “Máy sản xuất các sản phẩm xây dựng từ bê tông và vôi cát - an toàn - Phần 2: Máy sản xuất gạch block”, TCVN “Máy sản xuất các sản phẩm xây dựng từ bê tông và vôi cát - an toàn - Phần 3: Máy kiểu bàn trượt và bàn xoay”, TCVN “Máy sản xuất các sản phẩm xây dựng từ bê tông và vôi cát - an toàn - Phần 4: Máy sản xuất ngói bê tông” (dựa trên DIN EN 12629), TCVN “Máy và trạm sản xuất hỗn hợp bê tông và vữa xây dựng - Yêu cầu an toàn (dựa trên DIN EN 12151), TCVN “Máy đầm và xoa phẳng bê tông - Yêu cầu an toàn” (dựa trên DIN EN 12649), TCVN “Máy vận chuyển, phun và bơm bê tông và vữa xây dựng - Yêu cầu an toàn” (dựa trên DIN EN 12001) và TCVN “Máy đào và chuyển đất - an toàn - Phần 6: Yêu cầu đối với xe tự đổ” (dựa



Toàn cảnh Hội nghị nghiệm thu

trên DIN EN 474-6).

Báo cáo với Hội đồng nghiệm thu, thay mặt cho nhóm thực hiện đề tài, PGS.TS. Trương Quốc Thành cho biết: Máy và thiết bị xây dựng được sử dụng phổ biến phục vụ công tác thi công các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi... Đặc điểm của máy xây dựng thường có kích thước lớn, có nhiều chuyển động phức tạp và dễ xảy ra mất an toàn lao động. Do vậy trong quá trình thiết kế, chế tạo và sử dụng các loại thiết bị này, vấn đề an toàn được đặc biệt chú ý.

Hiện nay, trong hệ thống tiêu chuẩn TCVN mới chỉ có các tiêu chuẩn quy định về an toàn trong thiết kế, chế tạo và sử dụng máy nói chung. Trên thế giới đã có nhiều quốc gia như thuộc EU (Anh, Đức...), Úc, Ấn Độ... ban hành các tiêu chuẩn về an toàn cho các nhóm máy xây dựng đặc thù như nhóm máy làm đất, máy

sản xuất bê tông, máy và thiết bị gia cố nền móng... Chính vì vậy, việc biên soạn các TCVN về yêu cầu an toàn cho từng nhóm máy xây dựng đặc thù là việc làm cần thiết và có tính cấp bách.

Mục đích của việc biên soạn 08 TCVN về an toàn cho máy xây dựng là: Đảm bảo an toàn, sức khỏe của công nhân khi làm việc với máy, cải thiện môi trường làm việc, đảm bảo an toàn cho thiết bị; Khai thác triệt để chức năng, công dụng cũng như nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị; Đảm bảo yêu cầu đồng bộ về khoa học kỹ thuật với quốc tế và khu vực.

Tiêu chuẩn “Máy sản xuất các sản phẩm xây dựng từ bê tông và vôi cát - an toàn - Phần 1: Yêu cầu chung” áp dụng cho máy sản xuất các sản phẩm xây dựng từ bê tông hoặc vôi cát. Tiêu chuẩn này cung cấp các khái niệm và các yêu cầu chung cho thiết kế vận hành và bảo dưỡng các loại máy này.

Tiêu chuẩn “Máy sản xuất các sản phẩm xây dựng từ bê tông và vôi cát - an toàn - Phần 2: Máy sản xuất gạch block” áp dụng cho các máy sản xuất các sản phẩm gạch block, bó vữa, gạch lát và các sản phẩm bê tông tương tự. Tiêu chuẩn này đề cập đến tất cả các mối nguy hiểm đáng kể ứng với các máy sản xuất gạch block, khi chúng được sử dụng đúng mục đích và trong điều kiện sử dụng sai mục đích nhưng hợp lý mà nhà sản xuất có thể lường trước được. Tiêu chuẩn này quy định các biện pháp kỹ thuật phù hợp để loại trừ hoặc giảm thiểu các rủi ro phát sinh từ các mối nguy hiểm chủ yếu.

Tiêu chuẩn “Máy sản xuất các sản phẩm xây dựng từ bê tông và vôi cát - an toàn - Phần 3: Máy kiểu bàn trượt và bàn xoay” áp dụng cho các máy sản xuất các sản phẩm xây dựng từ bê tông và vôi cát, ở đó có một hoặc nhiều khuôn được gắn trên máy kiểu bàn xoay hoặc kiểu bàn trượt. Tiêu chuẩn này đề cập đến tất cả các mối nguy hiểm đáng kể ứng với các máy kiểu bàn trượt và bàn xoay, đồng thời quy định các biện pháp kỹ thuật phù hợp để loại trừ hoặc

giảm thiểu các rủi ro phát sinh.

Tiêu chuẩn “Máy sản xuất các sản phẩm xây dựng từ bê tông và vôi cát - an toàn - Phần 4: Máy sản xuất ngói bê tông” áp dụng cho các máy sản xuất ngói bê tông. Tiêu chuẩn này đề cập đến tất cả các mối nguy hiểm đáng kể xuất hiện trên máy sản xuất ngói bê tông, bao gồm cả các vị trí tiếp giáp của nó với các bộ phận thiết bị khác, đồng thời quy định các biện pháp kỹ thuật phù hợp để loại trừ hoặc giảm thiểu các rủi ro phát sinh.

Tiêu chuẩn “Máy và trạm sản xuất hỗn hợp bê tông và vữa xây dựng - Yêu cầu an toàn” áp dụng cho máy và trạm sản xuất bê tông và vữa xây dựng. Tiêu chuẩn này chỉ rõ các yêu cầu khi thiết kế đối với: Thiết bị định lượng và máy trộn bê tông và vữa xây dựng; Cấp liệu cho máy trộn bê tông và vữa xây dựng, bao gồm cả việc dự trữ và phân phối; Thiết bị tái chế hỗn hợp bê tông thải. Tiêu chuẩn này nói đến các mối nguy hiểm đáng kể, các tình huống nguy hiểm và các nguy hiểm liên quan đến máy, trạm sản xuất bê tông và vữa xây dựng, đồng thời quy định cụ thể các biện pháp kỹ thuật thích hợp để loại bỏ hoặc giảm thiểu các nguy cơ phát sinh từ các mối nguy hiểm chủ yếu.

Tiêu chuẩn “Máy đầm và xoa phẳng bê tông - Yêu cầu an toàn” áp dụng cho máy đầm và xoa phẳng bê tông và áp dụng cho cả máy rung cầm tay dẫn động bằng động cơ (kèm theo các yêu cầu bổ sung về an toàn đối với hệ thống điều khiển). Tiêu chuẩn này không đề cập đến các thiết bị phụ trợ cung cấp năng lượng cho các máy đầm trong và đầm ngoài, ví dụ như máy nén khí, nguồn thủy lực và máy biến áp. Tiêu chuẩn này không áp dụng đối với các máy xoa phẳng bê tông điều khiển từ xa, máy xoa phẳng tự động (rô bốt). Tiêu chuẩn cũng đề cập tới các mối nguy hiểm liên quan tới máy đầm và xoa phẳng bê tông đồng thời quy định cụ thể các biện pháp kỹ thuật thích hợp để loại bỏ hoặc giảm thiểu nguy cơ phát sinh từ các mối nguy hiểm chủ yếu.

Tiêu chuẩn “Máy vận chuyển, phun và bơm bê tông và vữa xây dựng - Yêu cầu an toàn” quy định các yêu cầu về an toàn cho máy vận chuyển, máy phun, máy bơm, hệ thống vận chuyển theo đường ống. Các loại máy này có thể là máy cố định hoặc di động. Tiêu chuẩn này không quy định các yêu cầu an toàn bổ sung cho việc sử dụng dưới các điều kiện đặc biệt (ví dụ trong môi trường cháy nổ; nguồn điện mà ở đó điện áp, tần số và sự lệch chuẩn có sự sai khác so với lưới điện công cộng; động đất; sét đánh; sử dụng trên đường giao thông công cộng). Tiêu chuẩn cũng đề cập đến tất cả các mối nguy hiểm, các tình huống và các trường hợp nguy hiểm đáng kể liên quan đến máy vận chuyển, phun, bơm bê tông và vữa xây dựng, đồng thời quy định các biện pháp kỹ thuật phù hợp để loại trừ hoặc giảm thiểu rủi ro.

Tiêu chuẩn “Máy đào và chuyển đất - an toàn - Phần 6: Yêu cầu đối với xe tự đổ” nói đến các mối nguy hiểm đáng kể, các tình huống và các trường hợp nguy hiểm liên quan đến các loại xe tự đổ bánh lốp và bánh xích, đồng thời quy định cụ thể các biện pháp kỹ thuật thích hợp, các yêu cầu để loại bỏ hoặc giảm thiểu các rủi ro xuất hiện từ các mối nguy hiểm chủ yếu, các tình huống và trường hợp nguy hiểm xảy ra trong quá trình hiệu chỉnh, vận hành và bảo

dưỡng xe tự đổ.

Phát biểu tại Hội nghị nghiệm thu, các chuyên gia phản biện cũng như các ủy viên của Hội đồng đều đánh giá cao tính cần thiết của đề tài, nội dung dịch tương đối sát, chuyên môn biên soạn cao, bố cục hợp lý, phương pháp xây dựng tiêu chuẩn có cơ sở khoa học, cách trình bày rõ ràng... Tuy nhiên, các chuyên gia phản biện và các ủy viên Hội đồng cũng đóng góp, trao đổi với nhóm thực hiện đề tài về một số vấn đề cần rà soát, chỉnh sửa và thay đổi. Tất cả các ý kiến góp ý của Hội đồng đều đã được nhóm thực hiện đề tài tiếp thu nghiêm túc.

Phát biểu kết luận Hội nghị, thay mặt Hội đồng nghiệm thu, TS Nguyễn Trung Hòa nhất trí với các ý kiến đóng góp của các thành viên Hội đồng, đồng thời đề nghị nhóm thực hiện đề tài tiến hành nghiên cứu và chỉnh sửa một số vấn đề như xem lại các thuật ngữ, định nghĩa và xử lý trong toàn văn tiêu chuẩn, giải thích các chữ viết tắt... TS. Nguyễn Trung Hòa đề nghị nhóm tác giả tiếp thu các ý kiến đóng góp của Hội đồng để hoàn thiện dự thảo.

Kết quả: Cả 08 đề tài tiêu chuẩn đều được nghiệm thu với kết quả xếp loại Xuất sắc.

Kim Nhật

Bộ Xây dựng thẩm định đề án đề nghị công nhận thị trấn Cái Rồng mở rộng (huyện Vân Đồn - tỉnh Quảng Ninh) là đô thị loại IV

Ngày 13/8/2015, Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị thẩm định đề án công nhận thị trấn Cái Rồng mở rộng (huyện Vân Đồn - tỉnh Quảng Ninh) đạt chuẩn đô thị loại IV. Hội nghị có sự tham gia của lãnh đạo UBND tỉnh Quảng Ninh và huyện Vân Đồn; các thành viên Hội đồng thẩm định đại diện cho các Bộ ngành TW, các Hội và Hiệp hội chuyên ngành. Ông Đỗ Viết Chiến - Cục trưởng Cục Phát triển đô thị, Bộ Xây dựng được ủy quyền chủ trì Hội nghị.

Báo cáo tóm tắt nội dung đề án, Chủ tịch UBND huyện Vân Đồn Mạc Thành Luân cho biết: thị trấn Cái Rồng mở rộng bao gồm thị trấn cũ và hai xã Đông Xá, Hạ Long, quy mô dân số xấp xỉ 30 nghìn người. Với tài nguyên thiên nhiên phong phú (nằm trọn trong vịnh Bái Tử Long, kề cận Di sản thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long), Vân Đồn nói chung và thị trấn Cái Rồng mở rộng nói riêng có nhiều tiềm năng để phát triển mạnh du lịch. Xét về mối liên hệ



Ông Đỗ Viết Chiến - Cục trưởng Cục Phát triển đô thị, Bộ Xây dựng chủ trì Hội nghị thẩm định

vùng, huyện Vân Đồn nằm gần các trung tâm phát triển công nghiệp và đô thị lớn của tỉnh và vùng, nằm trên tuyến du lịch Hải Phòng - Hạ Long, nằm trên tuyến Quốc lộ 18 nối liền Hà Nội - Hạ Long - Móng Cái có rất nhiều lợi thế về giao thương với các địa phương trong nước và quốc tế. Khu kinh tế (KKT) Vân Đồn cùng với Hạ Long, Hải Hà, Móng Cái sẽ là một trong những động lực chính phát triển vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ và toàn miền Bắc. Định hướng quy hoạch chung xây dựng KKT Vân Đồn đã xác định thị trấn Cái Rồng sẽ trở thành trung tâm đô thị dịch vụ du lịch tổng hợp của KKT Vân Đồn và huyện Vân Đồn, tiến lên thành thị xã trong tương lai không xa.

Để thực hiện mục tiêu và định hướng phát triển nêu trên, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân huyện Vân Đồn, thị trấn Cái Rồng đã không ngừng phấn đấu những năm qua, đạt được nhiều thành tích rất ấn tượng. Cơ cấu kinh tế địa bàn đang chuyển dịch đúng hướng, tỷ trọng các ngành dịch vụ - du lịch - thương mại tăng lên, các ngành nông - lâm nghiệp giảm dần. Mức tăng trưởng kinh tế năm 2014 đạt 16,84%. Thu nhập bình quân đầu người bằng 0,66 lần so với mức bình quân cả nước. Tỷ lệ hộ nghèo năm 2014 giảm xuống còn 1,24%. Diện mạo thị trấn đổi thay từng ngày theo hướng hiện đại, văn minh.

Đánh giá của Hội đồng thẩm định cho thấy



Phó Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh Nguyễn Văn Thành phát biểu trong Hội nghị

thị trấn có khá nhiều chỉ tiêu đạt tối đa so với chuẩn đô thị loại IV, nhất là nhóm chỉ tiêu về kinh tế xã hội, các chỉ tiêu về nhà ở, giao thông... Bên cạnh đó, một số chỉ tiêu còn ở mức thấp hoặc chưa đạt (tỷ lệ cấp nước sạch, xử lý rác thải...), một số chỉ tiêu cần áp dụng các tiêu chuẩn đô thị hải đảo. Do đó, để đảm bảo chất lượng đô thị và chất lượng cuộc sống cho người dân - những người thụ hưởng trực tiếp thành quả từ việc thị trấn được nâng loại, Chính quyền địa phương cần tiếp tục phát huy các tiềm năng thế mạnh của mình, kịp thời đề ra các biện pháp khắc phục một số mặt còn hạn chế, để phát triển Cái Rồng tương xứng với tiềm năng và vai trò của một đô thị loại IV trong sự phát triển kinh tế xã hội chung toàn tỉnh Quảng Ninh. Hội đồng cũng nhấn mạnh tới các giải pháp ứng phó biến đổi khí hậu, lồng ghép vào các chương trình phát triển đô thị do vị trí địa lý và tính chất đặc thù của thị trấn.

Sau khi xem xét, đối chiếu với các quy định theo Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 7/5/2009 của Chính phủ về việc Phân loại đô thị và Thông tư số 34/2009/TT-BXD ngày 30/9/2009 của Bộ Xây dựng về việc Quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định 42/2009/NĐ-CP, Hội đồng thẩm định đã nhất trí công nhận thị trấn Cái Rồng đạt đô thị loại IV với điểm số trung bình 79,05.

Với việc Cái Rồng đạt chuẩn đô thị loại IV,

tỉnh Quảng Ninh là một trong những địa phương có tốc độ đô thị hóa cao nhất cả nước.

Phát biểu tại Hội nghị, ghi nhận tình cảm của toàn Hội đồng gửi gắm qua những ý kiến rất thiết thực, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Văn Thành cho biết: tỉnh và huyện sẽ cố gắng phát huy mọi nguồn lực để phát triển kinh tế, tập trung xây dựng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, đẩy mạnh công tác chỉnh trang đô thị, tăng cường giáp dục tuyên truyền nếp sống văn minh đô thị trong cộng

đồng cư dân. Trên cơ sở thực hiện quy hoạch chung xây dựng KKT Vân Đồn và quy hoạch phân khu đô thị Cái Rồng đã được phê duyệt, huyện Vân Đồn và thị trấn Cái Rồng sẽ tiếp tục triển khai nhiều dự án lớn về giao thông, khu dân cư đô thị, các công trình công cộng khác nhằm không ngừng hoàn thiện hệ thống hạ tầng đô thị, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân thị trấn.

Lệ Minh

Nghiên cứu hoàn thiện quy hoạch mạng lưới đường đô thị và năng lực giao thông ở các đô thị của Trung Quốc

Cùng với sự mở rộng và kéo dài không ngừng trong bố cục xây dựng mạng lưới đường sá đô thị, năng lực thông hành giao thông của đường sá đô thị cũng có được sự nâng cao tương ứng. Tuy nhiên, cùng với sự nâng cao trong mức sống của người dân và sự theo đuổi không ngừng đối với đời sống văn hóa vật chất, lượng sử dụng xe cá nhân dần dần tăng lên, lượng xe cộ vận chuyển từ bên ngoài vào cũng không ngừng tăng lên, bố cục mạng lưới đường sá hiện có đã không thể đáp ứng khả năng thông hành của giao thông đường bộ tại đô thị. Trên các trục đường chính bắt đầu xuất hiện ùn tắc nghiêm trọng vào các giờ cao điểm, sự cố giao thông trong bố cục mạng lưới đường sá hình tròn trước đây vẫn còn phát sinh, phương pháp kiểm soát đèn giao thông đã không thể đáp ứng năng lực giao thông hiện tại... Những vấn đề còn tồn tại trên các tuyến đường đô thị đều có liên quan tới bố cục mạng lưới đường sá. Vì vậy, làm sao để tiến hành quy hoạch bố cục đường sá đô thị hợp lý, tăng cường năng lực thông thành giao thông trong xây dựng đường sá đã trở thành vấn đề bức thiết phải giải quyết đối với các nhà thiết kế đường sá đô thị.

I. Những vấn đề tồn tại trong bố cục giao

thông đường sá đô thị

1. Bố cục mạng lưới đường sá không theo kịp thị trường xung quanh

Việc xây dựng và kéo dài các tuyến đường giao thông không thể tách rời việc kiểm soát tín hiệu giao thông. Thông thường, tại đô thị, nhân viên thiết kế phụ trách bố trí toàn bộ bố cục mạng lưới đường sá đô thị căn cứ theo dân số lưu động của địa phương, lượng xe lưu thông trong lúc cao điểm sáng tối, mật độ phân bố giao thông tại các tiểu khu... để tiến hành đánh giá tổng thể, kết luận có được sau đó sẽ là cơ sở để tiến hành bố trí mạng lưới đường sá. Tuy nhiên, do rất nhiều các nguyên nhân của các cơ quan có liên quan về quy hoạch giao thông cho nên không thể kịp thời giám sát, kiểm soát bố cục mạng lưới đường sá.

2. Sự gia tăng của xe cá nhân, năng lực thông hành đường bộ giảm sút

Sự phát triển và mở rộng không ngừng trong xây dựng tại các tiểu khu đô thị đã khiến cho các tuyến đường vốn có tại các tiểu khu không thể đáp ứng đời sống văn hóa vật chất hiện tại. Số lượng cư dân tại các tiểu khu tăng lên, đường sá lại chưa được tiến hành thay đổi và xây dựng mở rộng, do đó rất dễ tạo ra tình trạng

ùn tắc giao thông trong quá trình cư dân tại các tiểu khu di chuyển ra bên ngoài khu vực, ảnh hưởng tới việc đi lại của người dân.

3. Bãi đỗ xe bố trí chưa thỏa đáng, chưa được cải tạo hoàn thiện

Sự mở rộng xây dựng tại các tiểu khu đô thị đã gây ra sự thay đổi trong năng lực thông hành giao thông toàn đô thị, bao gồm vị trí đỗ xe và bãi đỗ xe ngầm... Đa số các tiểu khu đô thị sau khi tiến hành mở rộng xây dựng đều có sự gia tăng về dân số, lượng sở hữu xe cá nhân gia tăng, tuy nhiên, bãi đỗ xe lại chưa được bố trí và hoàn thiện lại. Điều này khiến cho người dân tại các tiểu khu không thể dùng đỗ xe của mình một cách bình thường, chỉ có thể dùng đỗ xe trước cổng nhà hoặc bên vệ đường. Đây là một trong các nguyên nhân tạo ra vấn đề ùn tắc tại các tuyến đường bộ. Do đó, bố cục mạng lưới đường sá tại các tiểu khu hiện có cần phải được điều chỉnh để nâng cao năng lực thông hành.

Thứ hai, các trung tâm giải trí, mua sắm do có lượng người lưu động cao, vị trí dừng đỗ xe cá nhân lớn cho nên các bãi xe vốn có căn bản không thể thỏa mãn nhu cầu của người dân. Tuy nhiên, do đất sử dụng cho các trung tâm mua sắm, khu vực phần hoa khá đắt đỏ, rất nhiều các khu mua sắm, siêu thị... quy mô lớn đều không thể tiếp nhận được chi phí dành cho các bãi đỗ xe mới khai thác, điều này khiến cho công tác cải tiến và hoàn thiện bãi đỗ xe còn chậm trễ

4. Trình độ quản lý giao thông không cao

Nguyên nhân căn bản khiến bố cục mạng lưới đường sá không hợp lý, tồn tại nhiều vấn đề chính là trình độ quản lý chưa cao của người quy hoạch thiết kế đường sá. Người thiết kế đã chưa đưa ra được phương án giải quyết hợp lý trong thiết kế đường sá hiện có, thêm vào đó, nhân viên có kỹ thuật cao trong ngành giao thông còn ít, việc thiết kế bố cục mạng lưới đường giao thông vẫn tiến hành trên cơ sở vốn có, do đó không thể cải thiện năng lực thông hành giao thông đường bộ.

II. Phương án và sách lược cải tiến bố cục mạng lưới đường sá đô thị

1. Tăng cường quy hoạch và thiết kế đường sá xung quanh các tiểu khu đô thị

Việc quy hoạch và thiết kế đường sá tại các tiểu khu đô thị là vấn đề cần giải quyết đầu tiên đối với việc xuất hành của người dân xung quanh. Làm sao để đảm bảo cho cư dân tại các tiểu khu xuất hành bình thường, đảm bảo năng lực thông hành tại các giờ cao điểm sáng tối là vấn đề hết sức quan trọng khi quy hoạch thiết kế bố cục đường sá xung quanh. Căn cứ theo quy mô lớn nhỏ của các tiểu khu, có thể bố trí các tuyến xe công cộng nhanh, các điểm dừng đỗ tạm thời đối với xe cá nhân ở xung quanh các tiểu khu, sau này là các tuyến đường cao tốc... Đối với các tiểu khu có quy mô lớn, có thể căn cứ nhu cầu để tiến hành quy hoạch phân vùng. Căn cứ theo mỗi vùng tiểu khu để đưa quy hoạch và thiết kế hợp lý nhất, thuận tiện cho việc đi lại của người dân.

2. Hoàn thiện thiết kế và bố cục kết cấu đỗ xe đô thị

Khi lượng sở hữu xe cá nhân dần gia tăng thì nhu cầu đối với không gian dành cho các bãi đỗ xe cũng tăng lên. Điều này đòi hỏi phải tiến hành sửa chữa và mở rộng kịp thời các bãi đỗ xe, tăng cường cơ sở đồng bộ cho tất cả các bãi đỗ xe. Cần căn cứ theo tỷ lệ sở hữu xe cá nhân tại các tiểu khu để xây dựng nên các bãi đỗ xe hợp lý.

Càng là các khu vực phát triển phần hoa thì nhu cầu về các vị trí dừng đỗ xe càng lớn. Do đó cần căn cứ theo vị trí và mạng lưới đường sá của các khu vực này để tiến hành quy hoạch và mở rộng sao cho vừa đảm bảo nhu cầu đỗ xe của người dân vừa đảm bảo cho chi phí xây dựng các bãi đỗ xe không quá cao.

3. Nâng cao trình độ quản lý đối với bố cục mạng lưới đường sá đô thị

Các cơ quan có liên quan tới các công trình giao thông tại đô thị cần căn cứ theo phương hướng phát triển mạng lưới đường sá đô thị hiện

tại và xu thế quốc tế hóa của đô thị trong tương lai để đưa ra những phương án thiết kế bố cục mạng lưới đường giao thông hợp lý. Khi tiến hành quy hoạch và thiết kế, người làm công tác quản lý mạng lưới đường sá đô thị có thể mời các chuyên gia thiết kế trong nước hoặc quốc tế tham gia, đồng thời tích cực học hỏi các phương án thiết kế của chuyên gia, cùng các chuyên gia tiến hành thảo luận, điều chỉnh phương

hướng và xu thế phát triển trong tương lai, cùng nghiên cứu và phân tích phương án bố cục đường sá đô thị trong tương lai.

Vũ Uẩn, Lý Á Bình, Đới Hải Nhạn

Nguồn: Tạp chí Xây dựng đô thị và nông thôn Trung Quốc, số 5/2014

ND: Kim Nhạn

Nghiên cứu nội hàm văn hóa trong quy hoạch xây dựng đô thị

Văn hóa đô thị là nội dung chủ đạo khi thể hiện ra bên ngoài của một đô thị, cái được thể hiện ra đó là nội hàm văn hóa, di sản văn hóa của đô thị, là cửa sổ tâm hồn của đô thị. Vì vậy, trong thời kỳ lịch sử mới, để thực hiện xây dựng văn hóa đô thị một cách khoa học cần làm tốt những công tác sau:

I. Tăng cường bảo vệ văn hóa đô thị

Bảo vệ văn hóa đô thị là nội dung quan trọng trong quy hoạch xây dựng đô thị, cũng là nguyên tố quan trọng trong phát triển đô thị hiện đại. Một đô thị coi trọng phát triển bền vững văn hóa đô thị thì càng thể hiện được hình tượng đô thị với nội hàm phong phú. Văn hóa đô thị không thể sao chép, cũng không thể mô phỏng, nguyên tố văn hóa rõ ràng, đặc sắc trong văn hóa đô thị thể hiện nội dung đô thị phong phú, đa dạng. Tuy nhiên, trong tiến trình phát triển của văn minh hiện đại, công tác bảo vệ văn hóa đô thị trong quy hoạch xây dựng đô thị đang đối mặt với những mâu thuẫn và khó khăn chưa từng thấy, sự xung đột giữa phát triển và bảo vệ càng cho thấy sự quan trọng của văn hóa đô thị. Cho nên, trong quy hoạch xây dựng đô thị, cần tăng cường bảo vệ văn hóa đô thị, xây dựng đô thị hiện đại hóa mang bản sắc tự thân là nền tảng quan trọng không thể thiếu khi tiến hành hiện đại hóa đô thị.

1. Làm tốt việc bảo vệ di sản văn hóa

Những năm tháng lịch sử lâu dài đã hình

thành nên những di sản văn hóa vật chất của đô thị. Trong quy hoạch xây dựng đô thị, phần di sản lịch sử được tích lũy này rất quý giá và yếu ớt. Cho nên, trong quá trình quy hoạch xây dựng các thành phố cũ, cần chú trọng việc bảo vệ các di sản văn hóa lịch sử. Một mặt, trước khi cải tạo xây dựng cần làm đầy đủ công tác khảo sát thực địa, đồng thời thiết kế phương án cải tạo hợp lý và khoa học. Mặt khác, cần tôn trọng tính quan trọng của các di sản văn hóa lịch sử, không nên khiến chúng trở thành vật hy sinh trong quá trình phát triển đô thị mà cần phải xây dựng các biện pháp bảo vệ tương ứng, tiến hành bảo vệ đa dạng đối với các di sản văn hóa.

2. Làm tốt việc khai thác và tận dụng tài nguyên văn hóa

Trong quy hoạch xây dựng đô thị, cần bảo vệ đầy đủ, tận dụng và khai thác tốt tài nguyên đô thị. Về bản chất, việc bảo vệ và tận dụng, khai thác không xung đột với nhau, quan trọng là làm sao xem xét một cách cẩn thận và phát hiện văn hóa đô thị, giúp văn hóa đô thị trở thành điểm sáng của đô thị. Thêm vào đó, việc quy hoạch xây dựng đô thị cần định vị tốt phương hướng phát triển của đô thị, giúp hiện đại hóa đô thị và văn hóa truyền thống hòa nhập có hiệu quả.

II. Thực hiện đầu tư xây dựng văn hóa

1. Chú trọng xây dựng cơ sở văn hóa

Cùng với sự phát triển không ngừng của xã

hội hiện đại, sự theo đuổi văn hóa của con người thời hiện đại không còn là đơn nhất mà là sự theo đuổi nhấn mạnh vào văn hóa tinh thần. Cho nên, trong quy hoạch xây dựng, không nên coi nhẹ nhu cầu của người dân đối với xây dựng văn hóa. Do đó, cần chú trọng xây dựng các cơ sở văn hóa, ví dụ như bảo tàng, phòng trưng bày mỹ thuật ..., đảm bảo sự đồng bộ giữa văn hóa đô thị và sự phát triển của đô thị, thể hiện rõ hơn sự phát triển hài hòa của đô thị. Hiện nay, quy hoạch xây dựng đô thị thiếu coi trọng việc xây dựng nền tảng cơ sở văn hóa. Điều này càng làm nhấn mạnh việc coi trọng xây dựng nền tảng văn hóa để từng bước đáp ứng nhu cầu văn hóa của người dân.

2. Chú trọng xây dựng các kênh dịch vụ văn hóa

Đô thị với tốc độ phát triển nhanh chóng khiến người dân đều có cảm giác thiếu đi một thứ gì đó. Đó chính là văn hóa đô thị. Cho nên, trong quy hoạch xây dựng đô thị, cần chú trọng xây dựng các kênh dịch vụ văn hóa, đẩy nhanh xây dựng các trạm văn hóa cơ sở, đồng thời cung cấp các dịch vụ văn hóa để hiểu và đáp ứng nhu cầu văn hóa của người dân.

Trạm văn hóa là kênh quan trọng trong dịch

vụ văn hóa cơ sở. Dựa vào tính tiện lợi khi tiếp cận và đi sâu vào quần chúng nhân dân, trạm văn hóa trở thành nguyên tố quan trọng không thể thiếu của kênh dịch vụ văn hóa trong quy hoạch xây dựng đô thị. Trong quá trình xây dựng kênh dịch vụ văn hóa đô thị, thứ nhất cần hoàn thiện xây dựng mạng lưới văn hóa, giúp các dịch vụ văn hóa trở thành nội dung quan trọng trong dịch vụ xã hội, đặc biệt là dịch vụ cơ sở. Thứ hai, không ngừng nâng cao chức năng dịch vụ văn hóa của thành phố trung tâm, xây dựng cơ sở dịch vụ mang bản sắc tự thân của đô thị.

Tóm lại, trong quá trình quy hoạch xây dựng đô thị, vừa cần chú trọng bảo vệ và tận dụng văn hóa đô thị, vừa cần chú trọng xây dựng văn hóa đô thị. Trong môi trường xã hội đa dạng, thực hiện đồng bộ phát triển đô thị và phát triển văn hóa càng làm nổi bật tính hài hòa trong phát triển hiện đại hóa của một đô thị.

Lý Canh

Nguồn: Tạp chí Xây dựng đô thị và nông thôn, số 2/2015

ND: Kim Nhạn

Vấn đề sử dụng chất thải công nghiệp trong sản xuất vật liệu xây dựng của Nga

Một trong những yếu tố quan trọng để nâng cao các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của ngành công nghiệp vật liệu xây dựng chính là tái chế, tái sử dụng chất thải các ngành luyện kim, năng lượng và nhiều ngành công nghiệp khác thông qua ứng dụng những công nghệ tiên tiến. Sử dụng chất thải công nghiệp (nhờ thành phần hóa học đặc trưng của loại chất thải này) cho phép giảm thiểu chi phí năng lượng trong sản xuất xi măng clinker dùng cho bê tông, thay thế các thành phần tự nhiên của clinker cũng như của bê tông.

Dạng cơ bản của các chất thải này là xỉ hạt

lò cao, tro xỉ từ các nhà máy nhiệt điện, đất đá đào trong quá trình khai thác quặng luyện kim, xỉ công nghiệp sản xuất phốt pho, thạch cao... với khối lượng tới hàng triệu tấn mỗi năm.

Việc sử dụng chất thải công nghiệp đáp ứng xu thế phát triển của ngành sản xuất vật liệu xây dựng cơ bản trong tương lai, mở rộng khả năng ứng dụng xi măng pooc lăng xỉ, chất kết dính kiềm xỉ, đồng thời đáp ứng việc sử dụng các loại cốt liệu nhẹ hiệu quả cao trong bê tông, chế tạo và ứng dụng các phụ gia đa năng cho bê tông...

Việc ứng dụng chất thải các ngành luyện kim, năng lượng và nhiều ngành công nghiệp

khác trong sản xuất bê tông đem lại hiệu quả lớn về mặt kinh tế, là hướng giải bài toán tiết kiệm nguồn tài nguyên thiên nhiên để sản xuất vật liệu xây dựng, cải thiện và bảo vệ môi trường sinh thái.

Trong sản xuất bê tông, xi măng là thành phần đòi hỏi nhiều năng lượng để sản xuất nhất. Phương pháp hiệu quả giảm thiểu lượng xi măng clinker dùng trong bê tông, giảm năng lượng tiêu hao là việc ứng dụng các phụ gia khoáng trong thành phần xi măng đa cấu tử, hoặc ứng dụng trực tiếp vào bê tông.

Sản lượng các loại xi măng đa cấu tử tại nhiều quốc gia phát triển chiếm tới 3/4 tổng sản lượng xi măng. Phụ gia khoáng thông dụng nhất trong xi măng đa cấu tử là xỉ lò cao (quặng xỉ đúc gang, có thể đạt tới 0,4 - 0,65 tấn cho mỗi tấn gang). Để đáp ứng nhu cầu của ngành xây dựng, xỉ lò cao được xử lý và tái sử dụng tới 80%; xỉ hạt, đá dăm, đá bột, tương ứng 65, 30 và 5%.

Trong thành phần xi măng pooc lăng, xỉ hạt lò cao chiếm xấp xỉ 20%; còn trong thành phần xi măng pooc lăng sản xuất trong nước - con số này là 50%. Trên thế giới, Trung Quốc và Nhật được coi là hai quốc gia ứng dụng xỉ hạt lò cao nhiều nhất.

Để tiết kiệm xi măng, phương pháp nghiền xỉ hạt lò cao cho tới khi độ phân tán đạt 250 - 300 kg/ m² để đưa vào bê tông được ứng dụng rộng rãi. Để tiết kiệm 10 - 15% xi măng, xỉ được đưa vào bê tông với một lượng tương đương với lượng xi măng được thay thế. Dùng xỉ thay cát với khối lượng 150 - 200 kg/ m³ cũng đồng thời giúp giảm lượng dùng xi măng. Việc sử dụng xỉ có độ phân tán mỏng (độ phân tán tối ưu 150 - 200 kg/ m², cao hơn độ phân tán của xi măng clinker) có thể tiết kiệm 40 - 70% xi măng dùng trong bê tông, trong khi cường độ theo mức của bê tông được cải thiện rõ. Ngoài ra, sử dụng xỉ có độ phân tán mỏng kết hợp với các phụ gia hóa chất - chất siêu dẻo có thể chế tạo được bê tông có cường độ đạt 80MPa, thậm chí cao hơn.

Trong số các loại xỉ luyện kim cho phép đạt

được hiệu quả cao khi ứng dụng vào sản xuất bê tông và bê tông cốt thép, cần nhắc tới oxit silic. Oxit silic được hình thành trong sản xuất pherosilis tại các tổ hợp luyện kim, có tới 95% SiO₂ và độ phân tán khá cao - tới 20.000 kg/ m². Lượng hợp lý của oxit silic trong thành phần bê tông là 8 - 14%.

Kinh nghiệm của tổ hợp sản xuất vật liệu xây dựng Cheliabinsk (Nga) về việc đưa oxit silic vào vữa bê tông đã được biết tới khá nhiều. Việc cung cấp oxit silic dưới dạng bùn được thực hiện nhờ các xe trộn bê tông, được trộn theo dung lượng đặc biệt tới khi độ đặc đạt 1.080 - 1.100kg/ m³, sau đó được bơm theo các đường ống vào hỗn hợp bê tông tự lèn. Quy trình này cũng được áp dụng để cấp các nguyên liệu dạng bụi loại trừ khí thải bụi (tro bay của nhà máy nhiệt điện chằng hạn), qua đó cải thiện điều kiện bảo hộ lao động, vệ sinh môi trường. Việc sử dụng oxit silic cho phép giảm tới 30% xi măng; thu được bê tông cường độ cao (tới 100 MPa hoặc cao hơn); không cần xử lý nhiệt cho bê tông mác B15 và B25 (M200 - M300), cũng như thu nhận được bê tông có tính bền kiềm cao, đặc tính chống thấm tốt - điều này rất quan trọng khi sản xuất các đường ống bằng bê tông cốt thép, bể bơi, các ống trụ dùng trong xây dựng... Việc sử dụng oxit silic kết hợp với các phụ gia hóa chất (sulfat natri) thúc đẩy quá trình đóng rắn, loại trừ sự hình thành các chất gỉ do muối nhờ tác động kiểm tính của oxit silic và sulfat natri với các tác động cơ học (đầm lèn) kết cấu.

Để tiết kiệm xi măng trong các loại bê tông nặng và bê tông nhẹ cường độ thấp, xỉ luyện kim với độ phân tán 200 - 300 kg/ m² có thể ứng dụng. Đối với bê tông nhẹ, khi đưa các xỉ này theo một lượng 100 - 200 kg/ m³ vào vữa bê tông có thể tiết kiệm tới 25% lượng dùng xi măng. Nguyên liệu này còn có thể ứng dụng hiệu quả để chế tạo vữa bê tông đạt độ lưu động cao, có khả năng tự đông kết (vữa bê tông tự lèn) hoặc các hỗn hợp không cần xi măng; ứng dụng trong ngành sản xuất kính, trong

ngành nông nghiệp khi vô hóa đất phèn chua.

Kinh nghiệm sử dụng các phụ gia khoáng hoạt tính để tiết kiệm xi măng trong bê tông (chẳng hạn: tro xỉ tuyển khô từ các nhà máy nhiệt điện) cho thấy: các phụ gia như vậy cần có chất lượng ổn định, và trước hết cần có độ phân tán tối ưu, tức là đòi hỏi việc tổng hợp, bảo quản, vận chuyển phải đạt tiêu chuẩn nhất định.

Xử lý tro xỉ thải của các nhà máy nhiệt điện có ý nghĩa hết sức quan trọng. Hiện nay, lượng chất thải từ các nhà máy nhiệt điện tại các bãi thải trên toàn Liên bang đã vượt con số 01 tỷ tấn. Các bãi thải này chiếm diện tích khá lớn đất canh tác, ảnh hưởng không tốt tới hệ sinh thái của môi trường xung quanh. Chỉ riêng diện tích các bãi thải của các nhà máy nhiệt điện lớn nhất nước đã hơn 30 nghìn ha, và sẽ còn tăng lên nữa trong tương lai không xa. Cần áp dụng ngay các biện pháp quyết liệt ở cấp liên vùng, liên quốc gia nhằm giải quyết vấn đề này.

Bảo đảm thành phần hạt của xi măng đa cấu tử ở mức tối ưu sẽ cho phép tiết kiệm từ 15 - 25% xi măng pooc lăng, song song với việc cải thiện một loạt các tính chất của bê tông. Trong sản xuất các phụ gia khoáng hoạt tính có độ phân tán tối ưu, nghiền mịn là một khâu quan trọng; còn trong trường hợp sử dụng các vật liệu phân tán - tro bay hoặc tro xỉ thải của nhà máy nhiệt điện là lựa chọn hàng đầu.

Để thủy phân tro xỉ thành các phân tử nhỏ, có thể sử dụng các thiết bị của công nghệ tuyển (thường được ứng dụng để thủy phân các nguyên liệu thành phần hạt mịn như cát, cao lanh, hoạt thạch)..., gồm có máy sàng thủy lực, thùng xoáy thủy lực, máy ly tâm, bể lắng hướng tâm và thiết bị cô đặc hình côn. Hiện tại, thị trường Nga rất kỳ vọng kết quả nghiên cứu sàng thủy lực và thiết bị cô đặc hình côn - sản phẩm đang trong quá trình thử nghiệm của Viện Nghiên cứu bê tông & bê tông cốt thép (Moskva, Nga). Sàng thủy lực để tách các hạt có kích cỡ lớn hơn 3 mm hoặc lớn hơn 1 mm (tùy yêu cầu cụ thể) trong tro xỉ; còn thiết bị cô

đặc hình côn thực hiện việc phân tách tro xỉ theo tiêu chuẩn một cách kịp thời, để phòng quá nghiền. Tổ hợp các thiết bị này cho phép xây dựng dây chuyền công nghệ tách tro xỉ thải ra lượng phần tử cần thiết theo yêu cầu. Dây chuyền thử nghiệm được lắp đặt tại nhà máy Obukhovskiy và hiệu quả - theo đánh giá của các chuyên gia - khá cao.

Sự phát triển sản xuất bê tông tro kiềm không có xi măng trong thành phần trên cơ sở ứng dụng các loại xỉ lò cao, xỉ luyện gang thép và xỉ công nghiệp luyện kim màu đã mở ra những triển vọng mới về tiết kiệm xi măng pooc lăng và tiết kiệm nguồn năng lượng đối với lĩnh vực sản xuất bê tông. Hiệu quả kinh tế từ việc ứng dụng này cũng rất to lớn. Công nghệ sản xuất xi măng tro kiềm không clinker trên cơ sở tái chế xỉ luyện kim bằng cách nghiền mịn xỉ lò cao, kết hợp với sét - hoạt chất hóa học theo một lượng 2 - 5% sẽ giúp giảm đáng kể lượng năng lượng bị tiêu hao, giảm giá thành và nhiều chi phí cơ bản khác.

Ứng dụng nguyên liệu thay thế có nguồn gốc từ chất thải công nghiệp làm cốt liệu cho bê tông là giải pháp hữu hiệu nhằm tiết kiệm nguyên liệu tự nhiên, giảm tiêu hao năng lượng, giảm chi phí lao động, cải thiện môi trường và góp phần giải quyết các vấn đề sinh thái phát sinh trong quá trình khai thác tài nguyên thiên nhiên, khắc phục tình trạng khan hiếm các cốt liệu cần cho sản xuất, mở rộng khả năng dùng cốt liệu thay thế, nâng cao chất lượng bê tông. Đây là hiện thực của Nga - nơi có nhiều mỏ cát mịn, nhưng lại rất ít nguồn cát hạt vừa và cát thô; bởi vì sử dụng cát mịn sẽ dẫn tới việc tiêu hao xi măng vượt mức, giảm tính bền vững giá cũng như tuổi thọ của các kết cấu, ảnh hưởng tới các đặc tính biến dạng của bê tông.

Một trong những giải pháp khắc phục tình trạng khan hiếm cát hạt thô là xử lý đá quặng thành đá dăm nhờ công nghệ sàng nghiền. Bên cạnh đó, để duy trì cường độ cho bê tông, cần lọc rửa kỹ, sử dụng đá nghiền trong hỗn hợp với

cát mịn và cát hạt vừa nhằm tối ưu hóa thành phần hạt, kết hợp với các chất hóa dẻo, đặc biệt phụ gia siêu dẻo.

Việc thay thế cát thạch anh trong bê tông mác tới B25 bằng một lượng tro xỉ tuyển khô tương đương đạt hiệu quả khá cao. Với thành phần tro xỉ từ 130 - 150 kg/ m³ sẽ bảo đảm tiết kiệm 10 - 15% lượng xi măng cần dùng cho mỗi m³ bê tông. Việc ứng dụng tro xỉ nhà máy nhiệt điện để thay thế 25 - 50% cốt liệu mịn trong bê tông tro kiềm (có silicat kiềm trong thành phần) sẽ giúp tăng cường độ bê tông tới 1,5 lần.

Xử lý các nguyên liệu thứ cấp và chất thải làm cốt liệu thô cho bê tông cũng là một nhiệm vụ khá cấp thiết hiện nay. Điều này càng được khẳng định thêm bởi nếu đá dăm không được sàng rửa, không được xử lý đúng quy cách thì khi ứng dụng chúng làm cốt liệu thô cho hỗn hợp cát - sỏi chất lượng sẽ không bảo đảm, lượng xi măng tiêu hao sẽ gia tăng, đồng thời tuổi thọ, độ bền của các kết cấu bê tông cốt thép sẽ giảm đáng kể.

Trong xây dựng hiện đại tại Liên bang Nga, nhu cầu đối với đá dăm hạt nhỏ qua sàng rửa rất cao, song trên thực tế, mới chỉ 20 - 30% nhu cầu được đáp ứng. Tình trạng khan hiếm đá đạt chất lượng tồn tại ở rất nhiều vùng miền. Để thay thế các cốt liệu thô tự nhiên có thể sử dụng hầu hết các loại xỉ luyện kim. Hiện nay, đá dăm hạt nhỏ từ xỉ lò cao nhiều axit và xỉ trung tính được sử dụng chủ yếu trong sản xuất bê tông, đem lại khả năng nâng cao cường độ bê tông tới 20%, và tiết kiệm 15% lượng xi măng tiêu hao.

Để làm cốt liệu cho bê tông, các chất thải công nghiệp khác cũng được nghiên cứu ứng dụng khá nhiều, như phế phẩm và vụn gốm sứ sét nung, phoi gỗ, vụn bê tông... Tuy trữ lượng của các chất liệu này không nhỏ, tiềm năng tái sử dụng hiệu quả trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng khá lớn, song Nga vẫn chưa thể vươn lên tầm thế giới trong việc khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên này. Những nguyên nhân cơ bản đã được các chuyên gia đúc kết như sau:

- Thiếu một chiến lược ở cấp quốc gia đối với lĩnh vực tiết kiệm nguồn tài nguyên thiên nhiên và an toàn sinh thái;

- Thiếu cơ chế cơ bản về mặt pháp lý và kinh tế (các văn bản pháp luật, các biện pháp ưu đãi và chế tài, xử phạt) đối với việc tái chế, tái sử dụng chất thải;

- Tồn tại các rào cản về mặt hành chính, chính quyền;

- Thiếu sự cân bằng giữa các vùng và thiếu quy hoạch chất thải cho từng vùng, bao gồm các khâu từ tổ chức tính toán tới phân loại chất thải;

- Thiếu nền tảng công nghệ chế tạo máy để có thể tự chế tạo các thiết bị chuyên dụng cho các quy trình tuyển, phân loại, bảo quản, vận chuyển, tái chế chất thải.

Trong lĩnh vực xây dựng công nghiệp và xây dựng dân dụng, phát triển ứng dụng chất thải công nghiệp và các nguyên vật liệu tại chỗ còn giúp giảm giá thành các viên xây bê tông tới 5 lần so với các viên xây đúc sẵn từ xi măng pooc lăng; phá bỏ tình trạng khan hiếm các nguyên vật liệu xây dựng; giải quyết đặc lực những vấn đề xã hội tương đối cấp bách trước mắt, trong đó có nhiệm vụ đưa tối thiểu 20 triệu m² diện tích sàn nhà ở bình dân mỗi năm vào sử dụng tại các vùng nông thôn, đô thị nhỏ trên cả nước.

Nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của Bộ Xây dựng Nga hiện nay là thúc đẩy việc nghiên cứu, đồng thời áp dụng các biện pháp mạnh mẽ hơn nhằm thiết lập các điều kiện cần thiết để hiện thực hóa việc ứng dụng ở quy mô lớn các nguyên liệu thứ cấp và chất thải công nghiệp vào lĩnh vực xây dựng hiện đại. Thực hiện mục tiêu này rất cần sự hợp tác chặt chẽ của các Viện nghiên cứu khoa học, các Viện thiết kế xây dựng trên cả nước với sự bảo trợ vốn ngân sách phù hợp, và cả các nguồn vốn ngoài ngân sách.

Mark Gorbovets

*Nguồn: Báo Xây dựng Nga số 26
(ngày 27/6/2014)*

ND: Lê Minh

Kinh nghiệm ứng dụng công nghệ bê tông cốt thép đúc sẵn và khung bê tông cốt thép lắp ghép của Tập đoàn Consolis trong xây dựng các công trình thương mại

Tập đoàn Consolis nổi tiếng là nhà sản xuất bê tông cốt thép đúc sẵn lớn nhất châu Âu, hoạt động hiệu quả tại hơn 30 quốc gia trên thế giới, trong đó có Nga. Thế mạnh của Tập đoàn là ứng dụng công nghệ dự ứng lực trong xây dựng các công trình khẩu độ lớn, nâng cao tính linh hoạt trong vận hành khai thác các công trình này. Consolis luôn giới thiệu tới khách hàng của mình những sản phẩm chất lượng cao cùng các giải pháp cải tiến công nghệ đối với các công trình thương mại được xây bằng bê tông cốt thép đúc sẵn, kết hợp với kiến trúc đẹp mắt. Tại Nga, rất nhiều trung tâm mua sắm, siêu thị và cửa hàng, cửa hiệu được xây dựng bằng thương hiệu của Tập đoàn và công ty con Parastek Beton là bằng chứng thuyết phục nhất cho ưu thế của sản phẩm bê tông cốt thép đúc sẵn và khung bê tông cốt thép lắp ghép, như trung tâm thương mại Promenad tại quận Myitisha (Moskva) là một ví dụ. Thiết kế khung của công trình cũng như việc cấp các vật tư thiết bị đều do Parastek Beton thực hiện.

Consolis đang hướng tới việc phát triển công nghệ bê tông cốt thép đúc sẵn, đưa lĩnh vực này lên một cấp độ cao hơn về chất lượng. Nhiệm vụ của Tập đoàn tại Nga hiện nay là giới thiệu những giải pháp tiên tiến nhất, ứng dụng hiệu quả các phát minh sáng chế và kinh nghiệm xây dựng các công trình tương đương tại những quốc gia khác vào lĩnh vực xây dựng của Nga, đồng thời chuyển giao cơ sở kiến thức từ các kỹ sư, công trình sư, các chuyên gia hàng đầu châu Âu về lĩnh vực liên quan tới các nhà xây dựng Nga.

Kỷ nguyên mới của bê tông cốt thép (BTCT) đúc sẵn

Tại Nga, công nghệ khung lắp ghép ngày



Trung tâm thương mại “Chiếc chìa khóa vàng” (Zamok Mall) tại Belorussia

càng phổ biến, điều này phù hợp với xu hướng chủ đạo trong xây dựng hiện đại của thế giới. Trên thị trường châu Âu và châu Mỹ, thị phần các công trình xây ứng dụng bê tông cốt thép đúc sẵn và khung lắp ghép chiếm từ 30 - 70%; còn tại một số quốc gia như Thụy Điển và Phần Lan (có phong khí hậu tương đồng với Nga), công nghệ xây khung ứng dụng cho các trung tâm thương mại với vật liệu chính là bê tông cốt thép đúc sẵn đã vững vàng tại ngôi vị đầu bảng, vượt trội so với các hệ kết cấu khác.

Consolis luôn đầu tư phát triển các công nghệ đặc biệt cho phép tiết kiệm tối đa cho bên đặt hàng. Độ bền cao của các sản phẩm vật liệu xây dựng cũng được tối ưu hóa, nhờ các kết cấu khá nhẹ và nhỏ gọn, “xinh xắn”.

Tính đa dạng trong các giải pháp của Consolis

Kinh nghiệm luôn được các chuyên gia của Tập đoàn áp dụng ngay từ khi bắt tay vào thực hiện dự án, khi họ tiến hành nghiên cứu kết cấu khung cùng với các nhà thiết kế. Có thể lấy trung tâm thương mại Emporia (Thụy Điển) làm ví dụ. Công trình là kết quả của sự hợp tác giữa công ty con thuộc Consolis tại Thụy Điển với công ty kiến trúc Wingardhs và Tổng thầu Steen & Strom Sverige - một tổ hợp cấu trúc hài

hòa giữa bê tông cốt thép đúc sẵn, khung kim loại và kính, với một công viên cây xanh tuyệt đẹp trên mái và không gian rộng mở xung quanh. Ở giai đoạn chuẩn bị, nhiệm vụ đặt ra trước Consolis và Tổng thầu khá phức tạp - trong vòng 1,5 năm cần chế tạo, cung cấp cho công trình 20 nghìn chi tiết đúc sẵn (cột, tấm sàn, dầm kèo, cầu thang) và lắp ghép các chế phẩm này ở độ cao tới 50 m. Nhờ việc tổ chức sản xuất khá linh hoạt; sản phẩm làm ra chất lượng cao, tính chính xác gần như tuyệt đối, công trình khi thành hình đã tạo ấn tượng mạnh, như một lời thách thức táo bạo đối với kiến trúc truyền thống. Những gam màu đậm ở cả nội thất và ngoại thất, đường nét và hình khối của công trình đều vượt ra khỏi các quy tắc chuẩn mực, song tất cả được kết hợp một cách tài tình trong một kiến trúc lạ mắt. Emporia trở thành trung tâm thương mại đầu tiên của Thụy Điển được cấp chứng nhận BREEAM cho công trình sinh thái.

Sự hợp tác đạt hiệu quả cao của Tập đoàn được hình thành từ giai đoạn đấu thầu - khi nhận các đơn đặt hàng với yêu cầu kỹ thuật và kiến trúc cao đối với công trình, cũng như việc nghiên cứu các giải pháp kết cấu thay thế của Consolis dựa trên thiết kế điển hình tối ưu đối với những dạng công trình như vậy.

Trong mọi trường hợp, mỗi công trình đều có thiết kế riêng theo các yêu cầu của nhà xây dựng và chủ đầu tư - các yêu cầu về kiến trúc, số tầng, chiều cao mỗi tầng, tải trọng có ích... Khi thiết kế, các yêu cầu nêu trên sẽ được tính toán kỹ, thậm chí cả những yêu cầu mà thoạt tiên có vẻ không thể thực hiện trong điều kiện xây dựng lắp ghép. Có thể lấy trung tâm thương mại Prospect tại Kiev (Ucraina) làm ví dụ cho việc thiết kế không theo chuẩn mực nào - với những tấm trần và mái dốc cho những khu vực "lỗi" như rạp chiếu phim, nhà hàng. Một ví dụ khác về khả năng vô hạn của bê tông cốt thép đúc sẵn - các tấm ốp xung quanh mặt tiền trung tâm thương mại "Chiếc chìa khóa vàng" tại thủ



Trung tâm thương mại Emporia (Thụy Điển)

đô Minsk (sản phẩm của công ty con thuộc Tập đoàn Consolis tại Belorussia).

olden Babylon Rostokino - trung tâm thương mại lớn nhất châu Âu là ví dụ điển hình cho các công trình trung tâm thương mại ứng dụng giải pháp khung lắp ghép. Tọa lạc tại trung tâm thủ đô Moskva (Nga), tổ hợp thương mại - giải trí lớn nhất châu Âu này được thiết kế hoàn toàn theo công nghệ bê tông cốt thép đúc sẵn ứng dụng khung lắp ghép của Consolis. Khu vực bán lẻ 170 nghìn m²; với một gallery bán lẻ có chiều dài kỷ lục 1,7 km, chiếm trọn một trong ba tầng nhà. Trung tâm có hơn 450 gallery sang trọng; bãi đỗ xe súc chứa 7.500 ô tô; khu vui chơi; nhà hàng đa ẩm thực... Để xây dựng trung tâm này, Parastek Beton đã chế tạo và cung cấp tới công trường thi công 37 nghìn chi tiết khung lắp ghép (khung cấu tạo từ các dầm xà khẩu độ lớn, các cột và các tấm sàn rỗng). Độ vững bền của công trình được bảo đảm bởi sự liên kết giữa các cột trụ (có chiều cao bằng 1 - 2 tầng nhà), tường tăng cứng và các vòng khung mái. Trong khối nhà, ngoài các lồng thang có chức năng đảm bảo độ cứng cho công trình, các tường bê tông đúc sẵn cũng đồng thời đảm nhiệm vai trò đó.

Tính đa dạng của các giải pháp kết cấu được ứng dụng khi thi công công trình được bảo đảm bởi năng lực sản xuất các sản phẩm cấu kiện rất đa dạng của công ty. Các tấm bê tông đúc rỗng có bề dày 220, 265, 320 và 400 mm

được sử dụng làm mái và trần. Trong công trình cũng ứng dụng các dầm xà với tiết diện khác nhau từ 400 x 400 tới 800 x 800 mm; các panel tường, các phụ kiện lồng thang máy - thang bộ... Để phục vụ việc nghiên cứu giải pháp thiết kế, các nhà xây dựng còn tiến hành một bước rất quan trọng nữa - đồng bộ tất cả các linh kiện, phụ kiện trong từng kết cấu nhằm phát huy tối đa năng lực của các kết cấu và của cả tổ hợp, qua đó quy trình sản xuất được đẩy mạnh, chi phí sản xuất giảm thiểu rõ rệt.

Để thi công xây dựng kiểu dáng phức hợp của công trình (chẳng hạn những kết cấu uốn lượn, những phần mái cong duyên dáng), các tấm bê tông đúc rỗng có các mặt nghiêng ở những góc khác nhau. Để tăng độ bền vững, tính an toàn cho các nhịp lớn tại những khu vực chịu tải trọng cao (chẳng hạn rạp chiếu phim), các nhà thiết kế đã sử dụng dầm ứng lực 02 đầu chữ T chiều dài 23 m. Khác với những bộ phận khác trong cả tổ hợp, các mái nghiêng được thực hiện từ các dầm hai đầu chữ T và các phiến bê tông ứng lực dày 250 mm kết hợp với các thanh giằng - hệ khung này bảo đảm tiếp nhận tải trọng rất lớn, kể cả tải trọng trực của ô tô.

Giải pháp xây dựng rất độc đáo được áp dụng ở đây là "lõi" liên kết - gallery trung tâm kết nối hai phần trong cả tổ hợp, phía bên dưới là đường sắt và đường ô tô. Trong khu vực này, các dầm khẩu độ lớn cho phép bố trí hệ thống liên lạc kỹ thuật bên trong các kết cấu, đồng thời duy trì độ cao cần thiết để đảm bảo ánh sáng.

Công tác lắp dựng khung của tổ hợp được tiến hành đồng thời bởi 5 cần cẩu lớn; việc vận chuyển các linh kiện, phụ kiện trung bình khoảng 40 - 45 chuyến/ ngày. Việc lắp dựng và cung cấp các phụ kiện được thực hiện suốt ngày đêm, quan trọng là việc tổ chức dây chuyền sản xuất - vận chuyển hợp lý từ nhà máy tới công trường để công tác thi công không bị gián đoạn. Parastek Beton đã thực thi nhiệm vụ này một cách tuyệt vời.

Mô hình thông tin trong thi công khung

lắp ghép của trung tâm thương mại - phương pháp tiên tiến nhất để nâng cao hiệu quả

Hiện nay trong xây dựng, việc quản lý thiết kế và phân loại thiết kế một cách nhanh chóng, hiệu quả là yếu tố cạnh tranh then chốt. Các công ty con trong hệ thống Cosolis đều có ngân hàng dữ liệu đối với từng dự án cụ thể, và sử dụng internet để liên lạc toàn cầu.

Có thể lấy việc xây dựng trung tâm thương mại Puuvilla (Pori - Phần Lan) làm ví dụ cho việc sử dụng mô hình thông tin như một phương tiện để nâng cao hiệu quả khi thực hiện dự án. Việc cung cấp khung lắp ghép cho một dự án tầm cỡ như vậy được thực hiện bởi công ty Parrna - công ty con của Consolis tại Phần Lan. Ý tưởng mô hình hóa bằng công nghệ thông tin trong lĩnh vực xây dựng (BIM) được hình thành từ việc ứng dụng tất cả các kênh thông tin từ các nhà thiết kế, nhà cung cấp và Tổng thầu của mỗi dự án. Như vậy, tại mỗi giai đoạn thiết kế đã có thể tránh được các mâu thuẫn thường xuất hiện giữa những bản vẽ kỹ thuật các kết cấu lắp ghép và thiết kế hệ thống kỹ thuật. Nếu xét về góc độ thi công, lợi ích lớn nhất mà BIM mang lại là giúp cải tiến quy trình từ sản xuất các kết cấu xây dựng, cung cấp các cấu kiện này cho tới thi công lắp ghép chúng.

Mô hình ba chiều khi thực hiện dự án Puuvilla chính là điểm tựa vững chắc nâng cao hiệu quả thiết kế và sản xuất hơn 10 nghìn linh kiện, phụ kiện để cung cấp cho công trường thi công.

Hiện tại, công nghệ 3D đang được Parastek Beton cùng với bên đặt hàng tích cực triển khai ứng dụng để thực hiện dự án xây dựng trung tâm thương mại Promenad tại Moskva (Nga).

Ưu điểm của khung lắp ghép

Khi so sánh công nghệ khung bê tông cốt thép lắp ghép và phương án khung bê tông cốt thép toàn khối truyền thống, bên đặt hàng luôn ưu tiên lựa chọn khung lắp ghép bởi:

- Tốc độ lắp dựng nhanh; khả năng thi công cả trong mùa đông, hoặc tại khu vực thời tiết

không thuận lợi;

- Kết cấu ứng lực trước duy trì mức tải trọng, đảm bảo phủ kín các khẩu độ lớn;

- Các giải pháp kết cấu phù hợp với tất cả các dạng khung;

- Khả năng chống cháy của các kết cấu được bảo đảm mà không cần các biện pháp phòng chống cháy bổ trợ;

- Độ tin cậy cao của các kết cấu, tính chính xác hình học; chất lượng của bề mặt bên ngoài;

- Giảm khối lượng khung của công trình cũng như mức tải lên móng;

- Giảm thiểu khối lượng vật liệu xây dựng được sử dụng, từ đó lượng cốt thép và bê tông bị tiêu hao sẽ ít hơn.

Theo tính toán của các chuyên gia, công nghệ khung bê tông cốt thép lắp ghép cho phép tiết kiệm tới 20% vốn đầu tư so với công nghệ toàn khối, giúp giảm thời gian thi công, qua đó thời gian khai thác vận hành công trình sẽ được nâng lên. Bảo dưỡng kỹ thuật đơn giản, khả năng trữ nhiệt của bê tông được cải thiện - những ưu điểm đó sẽ giúp tiết kiệm chi phí vận



Một góc nội thất của Emporia

hành khai thác - bao gồm cả chi phí năng lượng - và khả năng thiết kế, bố cục các gian nhỏ trong cả công trình; tăng cao khả năng thay đổi công năng mỗi khu vực riêng biệt - đó là những yếu tố hấp dẫn nhất đối với các chủ đầu tư cũng như khách hàng tiềm năng của Consolis.

Olga Alekseeva

Nguồn: Tạp chí Vật liệu Xây dựng, Thiết bị & Công nghệ thế kỷ XXI (Nga) tháng 4/2015

ND: Lê Minh

Bộ Xây dựng thực hiện nghiêm túc công tác phòng chống tham nhũng

"Công tác phòng chống tham nhũng đã được Ban cán sự Đảng, Đảng ủy, lãnh đạo Bộ Xây dựng nhận thức đầy đủ ý nghĩa, tầm quan trọng và thực hiện nghiêm túc, với quyết tâm chính trị cao" - Đây là một trong những nội dung chính được Đoàn công tác số 7, Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng chống tham nhũng nêu trong Kết quả kiểm tra, giám sát, đôn đốc công tác phòng, chống tham nhũng năm 2015 tại Bộ Xây dựng.

Công tác phòng chống tham nhũng ở Bộ Xây dựng được đánh giá cao

Ngày 29/7/2015, tại trụ sở Bộ Xây dựng, đồng chí Huỳnh Phong Tranh - Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng Thanh tra Chính phủ, Ủy viên Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng chống tham nhũng, Trưởng Đoàn công tác số 7 đã chủ trì Hội nghị công bố Kết quả kiểm tra, giám sát, đôn đốc công tác phòng, chống tham nhũng năm 2015 tại Bộ Xây dựng, với sự tham dự của đồng chí Trịnh Đình Dũng - Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Ban cán sự Đảng, Bộ trưởng Bộ Xây dựng; đồng chí Phạm Hồng Hà - Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ Xây dựng; đồng chí Lê Quang Hùng, Bí thư Đảng ủy, Thứ trưởng Bộ Xây dựng; đồng chí Phan Thị Mỹ Linh, Thứ trưởng Bộ Xây dựng; đồng chí Hà Ngọc Chiến - Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng ban Nội chính Trung ương, Phó Trưởng Đoàn công tác số 7.

Phát biểu tại Hội nghị, đồng chí Huỳnh Phong Tranh đánh giá cao vai trò cũng như những nỗ lực của Ban cán sự Đảng Bộ Xây dựng trong việc thực hiện các biện pháp phòng chống tham nhũng. Các chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phòng chống tham nhũng đã được Bộ Xây dựng cụ thể hóa bằng các văn bản quản lý phù hợp với đặc điểm của ngành Xây dựng.

Kết quả kiểm tra của Đoàn công tác số 7,



Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng phát biểu tại Hội nghị

Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng chống tham nhũng nêu rõ: "Trong lãnh đạo, chỉ đạo của Ban cán sự Đảng có sự phối hợp tốt với Đảng ủy Bộ Xây dựng. Nhiều giải pháp phòng ngừa tham nhũng đã được Bộ Xây dựng thực hiện quyết liệt, đạt được kết quả tích cực như công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức về phòng chống tham nhũng... nhận thức của đảng viên, công chức, viên chức, người lao động trong Bộ Xây dựng về tầm quan trọng của công tác phòng chống tham nhũng đã được nâng lên một bước".

Trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước, Bộ Xây dựng đã ban hành nhiều văn bản thuộc thẩm quyền và tham mưu cơ chế, chính sách pháp luật theo chức năng quản lý nhà nước có tác dụng phòng ngừa tham nhũng.

Đoàn công tác số 7, Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng chống tham nhũng đánh giá các cấp ủy, tổ chức đảng và lãnh đạo cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Xây dựng (các đơn vị được kiểm tra) cơ bản đã thực hiện nghiêm túc các chỉ thị, nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước về phòng chống tham nhũng cũng như quan tâm nâng cao trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ, chất lượng thực thi công vụ của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức...

Phòng chống tham nhũng là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên

Bên cạnh những ưu điểm đã đạt được, Đoàn công tác số 7, Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng chống tham nhũng cũng nêu lên một số hạn chế trong công tác phòng chống tham nhũng tại Bộ Xây dựng khi một số đơn vị thuộc Bộ chưa thực hiện đồng bộ và kịp thời các giải pháp tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng chống tham nhũng đã được Ban Cán sự Đảng và lãnh đạo Bộ đã quán triệt...

Để nâng cao hơn nữa chất lượng hoạt động phòng chống tham nhũng trong thời gian tới, Đoàn công tác số 7 đề nghị Ban cán sự Đảng, lãnh đạo Bộ Xây dựng tiếp tục chỉ đạo, khắc phục những hạn chế, vướng mắc trong phòng chống tham nhũng, kiên quyết thực hiện thành công các giải pháp phòng chống tham nhũng đã được đề ra. Đồng thời tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phòng chống tham nhũng, bám sát những nhiệm vụ trọng tâm trong công tác tuyên truyền đã được đề ra trong Kế hoạch hàng năm của Bản chỉ đạo, của Chính phủ...

Đồng tình với Kết quả kiểm tra, giám sát, đôn đốc công tác phòng, chống tham nhũng năm 2015 tại Bộ Xây dựng của Đoàn công tác số 7, Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng chống tham nhũng, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng cho biết Ban cán sự Đảng, lãnh đạo Bộ Xây dựng sẽ chú trọng thực hiện những ý kiến đề nghị của



Toàn cảnh buổi làm việc

Đoàn công tác nêu trong Kết quả kiểm tra.

Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng cho biết Bộ Xây dựng luôn xác định phòng chống tham nhũng là nhiệm vụ trọng tâm, đồng thời thường xuyên điều tra, giám sát, nâng cao chất lượng đấu tranh phòng chống tham nhũng nhằm loại bỏ những cán bộ không đủ phẩm chất, năng lực ra khỏi bộ máy quản lý nhà nước của Bộ.

Bên cạnh đó, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng khẳng định Bộ Xây dựng không chỉ đấu tranh phòng chống tham nhũng trong phạm vi Cơ quan Bộ mà trên toàn quốc thông qua việc quan tâm hoàn thiện thể chế chính sách pháp luật theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa cũng như nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động đầu tư xây dựng... đồng thời nhận định định công tác phòng chống tham nhũng là nhiệm vụ thường xuyên, lâu dài.

Trần Đình Hà

Thị xã Bỉm Sơn được công nhận là đô thị loại III

Ngày 30/7/2015, UBND Thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa tổ chức Lễ công bố Quyết định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng công nhận thị xã Bỉm Sơn là đô thị loại III trực thuộc tỉnh Thanh Hóa. Tham dự buổi Lễ có Thứ trưởng Bộ Xây dựng Phan Thị Mỹ Linh và đại diện lãnh đạo UBND tỉnh Thanh Hóa, UBND thị xã Bỉm Sơn, các ban, ngành liên quan,...

Theo định hướng phát triển hệ thống đô thị tỉnh Thanh Hoá đến năm 2020, Bỉm Sơn được xác định là đô thị hạt nhân của vùng, một trong 4 cụm công nghiệp động lực phát triển kinh tế toàn tỉnh. Bỉm Sơn cùng với Vân Du - Thạch Thành có ảnh hưởng trực tiếp và rất quan trọng tới toàn bộ vùng Bắc Thanh Hoá và có mối liên hệ chặt chẽ với vùng phía Nam tỉnh Ninh Bình.



Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh chúc mừng lãnh đạo UBND thị xã Bỉm Sơn

Thị xã Bỉm Sơn có lịch sử hình thành và phát triển gắn liền với việc thành lập Nhà máy Xi măng Bỉm Sơn - lớn nhất nước trong những năm 70 của thế kỷ XX. Trước đây, kinh tế của Bỉm Sơn phát triển chủ yếu dựa trên nền tảng của nhà máy xi măng Bỉm Sơn. Tuy nhiên trong những năm gần đây, dựa vào lợi thế về hạ tầng, vị trí địa lý và nguồn nhân lực dồi dào, sản xuất công nghiệp của thị xã đã phát triển theo hướng đa dạng hóa các ngành sản xuất như: Luyện cán thép, chiết nạp gas, bê tông đúc sẵn, bi công nghiệp, sản xuất thép hình,...

Hiện nay, thị xã Bỉm Sơn đã có quy hoạch cụ thể các khu công nghiệp trên địa bàn như: Khu công nghiệp Bắc Bỉm Sơn với tổng diện tích 540 ha, với các chức năng: Lắp ráp ô tô, chế tạo máy, công nghiệp xi măng, dệt may, điện tử, cơ khí... Cụm công nghiệp vừa và nhỏ diện tích 38 ha thu hút được 25 doanh nghiệp cùng số vốn đăng ký đầu tư hàng ngàn tỷ đồng, giải quyết việc làm cho hàng ngàn lao động.

Cơ cấu kinh tế công nghiệp - dịch vụ tăng dần tỷ trọng và là thế mạnh của thị xã, trong đó, công nghiệp sản xuất vật liệu và lắp ráp đã và đang trở thành thế mạnh của tỉnh và có ý nghĩa quan trọng trong vùng tỉnh và liên tỉnh. Công tác quản lý đô thị và quản lý phát triển đô thị được cải thiện. Bỉm Sơn đã từng bước được đầu tư phát triển theo quy hoạch và có kế hoạch, cơ sở hạ tầng đô thị từng bước được đầu tư xây dựng đồng bộ, tăng cường dịch vụ đô thị.



Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh trao Quyết định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng công nhận Bỉm Sơn là đô thị loại III

Với những kết quả đạt được trong quá trình phát triển đô thị, thị xã Bỉm Sơn đã được Bộ trưởng Bộ Xây dựng công nhận là đô thị loại III trực thuộc tỉnh Thanh Hóa theo Quyết định số 601/QĐ-BXD ngày 29/5/2015.

Bỉm Sơn đã phát huy tốt vai trò đô thị của ngõ phía Bắc của tỉnh Thanh Hóa, là một những mũi nhọn phát triển công nghiệp của xứ Thanh, là đô thị động lực phát triển kinh tế - xã hội của vùng tỉnh và khu vực Bắc Trung Bộ.

Phát biểu tại buổi lễ, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Phan Thị Mỹ Linh cho biết: "Thị xã Bỉm Sơn được công nhận là đô thị loại III là vinh dự và cơ hội lớn để Bỉm Sơn nói riêng và tỉnh Thanh Hóa nói chung tiếp tục thu hút các nguồn lực đầu tư nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội".

Việc được công nhận là đô thị loại III cũng đặt ra những trọng trách to lớn đối với Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Bỉm Sơn trong việc xây dựng và phát triển đô thị bền vững hơn, chất lượng đô thị ngày một tốt hơn. Thứ trưởng Bộ Xây dựng Phan Thị Mỹ Linh bày tỏ tin tưởng với sự đoàn kết trong lãnh đạo và nhân dân, nỗ lực phát huy truyền thống của người xứ Thanh, Bỉm Sơn sẽ ngày càng phát triển theo đúng định hướng, quy hoạch và kế hoạch phát triển đô thị của tỉnh Thanh Hóa và vùng Bắc Trung Bộ.

Đình Hà - Hoài Thu

Thủ tướng bổ nhiệm Thứ trưởng Bộ Xây dựng

Tại Quyết định 1315/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm ông Đỗ Đức Duy, Chánh Văn phòng Bộ Xây dựng, giữ chức Thứ trưởng Bộ Xây dựng.

Ông Đỗ Đức Duy sinh năm 1970, quê quán huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Trước khi được bổ nhiệm giữ chức Thứ trưởng Bộ Xây dựng, ông Đỗ Đức Duy từng đảm nhiệm các chức vụ: Phó Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Bộ Xây dựng; Chánh văn phòng Bộ Xây dựng.

Theo Chinhphu.vn



Ông Đỗ Đức Duy - Tân Thứ trưởng Bộ Xây dựng

Tặng Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp Xây dựng cho Đại sứ Phần Lan tại Việt Nam

Ngày 04/8/2015 tại Hà Nội, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng đã trao tặng Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp Xây dựng cho ngài Kimmo Lahdevirta - Đại sứ Phần Lan tại Việt Nam. Cùng dự buổi lễ có phu nhân ngài Đại sứ và các thành viên thuộc Đại sứ quán Phần Lan tại Việt Nam.

Phát biểu tại buổi Lễ, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng bày tỏ cảm ơn và đánh giá cao sự hỗ trợ của Chính phủ Phần Lan trong việc giúp Việt Nam cải thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt trong lĩnh vực cấp nước, với nhiều dự án nước sạch được triển khai tại các thành phố lớn, thị trấn vừa và nhỏ bằng nguồn vốn do Chính phủ Phần Lan tài trợ. Các dự án đó đã góp phần quan trọng trong việc nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân Việt Nam.

Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng cho biết, trong quá trình phát triển mối quan hệ hữu nghị tốt đẹp giữa hai nước Việt Nam - Phần Lan có sự đóng góp quan trọng của ngài Đại sứ Kimmo Lahdevirta. Với kinh nghiệm và tình cảm yêu



Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng tặng Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp Xây dựng cho ngài Kimmo Lahdevirta - Đại sứ nước CH Phần Lan tại Việt Nam

mến dành cho Việt Nam, ngài Đại sứ đã quan tâm phối hợp, thúc đẩy các dự án hỗ trợ của Chính phủ Phần Lan được thực hiện một cách nhanh chóng, hiệu quả, mang lại lợi ích thiết thực cho nhân dân Việt Nam.

Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng mong muốn, với năng lực, kinh nghiệm cũng như sự am hiểu về Việt Nam, ngài Đại sứ Kimmo Lahdevirta sẽ



Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng chụp ảnh lưu niệm cùng ngài Đại sứ Kimmo Lahdevirta và phu nhân

tiếp tục là cầu nối quan trọng thúc đẩy mối quan hệ hợp tác Việt Nam – Phần Lan nói chung, mối quan hệ giữa ngành Xây dựng hai

nước nói riêng

Bày tỏ sự cảm ơn chân thành tới Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng, ngài Đại sứ Kimmo Lahdevirta cho biết: Chúng tôi rất tự hào khi cùng với Bộ Xây dựng Việt Nam triển khai những dự án tiên phong trong lĩnh vực quản lý nước tại các đô thị lớn cũng như ở các thị trấn vừa và nhỏ của Việt Nam. Phần Lan có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng, đặc biệt là xây dựng xanh, công nghệ sạch, quản lý nước và xử lý nước thải và mong muốn tăng cường hơn nữa sự hợp tác hữu nghị với Việt Nam, trên cơ sở 2 bên cùng có lợi.

Trần Đình Hà

Thứ trưởng Lê Quang Hùng chỉ đạo khắc phục hậu quả mưa lũ tại Quảng Ninh

Ngày 08/8/2015, đoàn công tác của Bộ Xây dựng gồm các chuyên gia các Cục, Vụ, Viện, Hội đồng nghiệm thu Nhà nước các công trình xây dựng... do Thứ trưởng Bộ Xây dựng Lê Quang Hùng chỉ đạo đã đi thực địa hiện trường, kiểm tra các điểm sạt lở, ngập úng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh để đánh giá mức độ chịu ảnh hưởng của các công trình trong đợt mưa lũ vừa qua, đồng thời khảo sát lại toàn bộ công tác quy hoạch khu dân cư.

Nhiều điểm sạt lở nghiêm trọng

Đoàn công tác đã có mặt tại các công trình nhà ở, hạ tầng kỹ thuật, giao thông, thủy lợi, hệ thống cấp thoát nước... để tìm hiểu nguyên nhân hư hại, chỉ rõ những bất cập và đưa ra phương án khắc phục cả trước mắt lẫn lâu dài.

Thứ trưởng Bộ Xây dựng Lê Quang Hùng cho biết, ngay sau đợt mưa lũ đầu tháng 8/2015 vừa qua, Bộ Xây dựng đã cử các đoàn công tác đến những địa phương bị ảnh hưởng để phối hợp khắc phục hậu quả, đưa ra các phương án phòng chống thiên tai bão lũ lâu dài cho các



Thứ trưởng Lê Quang Hùng cùng đoàn chuyên gia Bộ Xây dựng khảo sát hiện trường thiên tai tại tỉnh Quảng Ninh

công trình xây dựng, hạ tầng kỹ thuật giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước nhất.

Thứ trưởng Lê Quang Hùng nhấn mạnh: “Sau đợt khảo sát thực địa tại một số tỉnh, thành phố, Bộ Xây dựng sẽ ra văn bản yêu cầu các địa phương rà soát lại toàn bộ công tác quy hoạch, xây dựng các khu dân cư, hạ tầng kỹ thuật phòng tránh nguy cơ mất an toàn khi có thiên tai”.

Tại điểm sạt lở cầu dẫn ra cảng Cái Lân, Phó Giám đốc Sở Giao thông tỉnh Quảng Ninh Hoàng Đình Sáu cho biết, công trình này đang bị hư hỏng nặng do sạt lở trong mưa lũ. Nghiêm trọng hơn là điểm sạt lở này đang gây nguy hiểm cho các hộ dân sống gần khu vực này, nên chính quyền đã phải di dời ngay 4 hộ dân trong khu vực nguy hiểm. Phía Quảng Ninh cũng mong muốn các chuyên gia nghiên cứu, đưa ra phương án khắc phục để công trình đảm bảo chất lượng, an toàn.

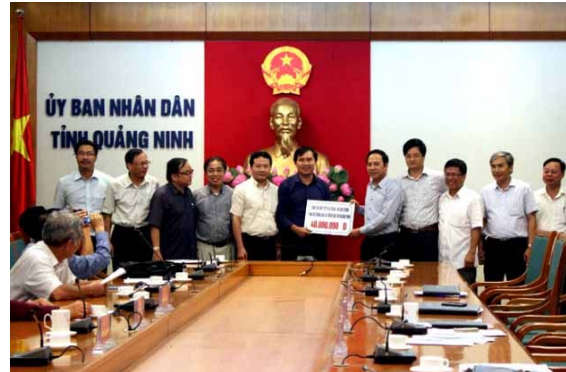
Một trong những điểm sạt lở nghiêm trọng nhất được đoàn công tác khảo sát là dốc đèo Bụt, phường Hà Phong, thành phố Hạ Long. Tại đây, do lượng mưa lớn xói thẳng vào chân đèo khiến các tảng đá lớn rời ra và có thể rơi xuống đường bất cứ lúc nào, gây nguy hiểm cho người và phương tiện qua lại.

Bên cạnh đó, quanh khu vực dốc đèo Bụt còn có điểm dân cư trong đợt mưa lũ vừa qua bị úng ngập nặng trong 5 ngày cũng được đoàn công tác chỉ rõ nguyên nhân là do bất cập trong xây dựng hệ thống thoát nước. Điểm dân cư đô thị nằm giữa 2 dãy núi nhưng chỉ có 1 đường thoát, trong khi nhiều nhà cửa xây kiên cố đã cản trở dòng chảy thoát nước khi lưu lượng nước quá lớn. Nhìn chung, hệ thống thoát nước của thành phố Hạ Long bố trí còn bất cập, không đáp ứng kịp nên xảy ra úng ngập nặng tại nhiều điểm dân cư.

Kiểm tra thực tế tại bãi thải đất đá Đông Cao Sơn của công ty cổ phần Than Cọc 6 cho thấy đợt lũ vừa qua đã tạo dòng chảy lớn qua bãi, kéo theo bùn thải tràn qua đập chắn vào khu dân cư phía dưới. Mặc dù Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam đã khắc phục bằng cách gia cố đập và nạo vét đất đá, tuy nhiên các chuyên gia Bộ Xây dựng lưu ý số liệu lượng mưa vừa qua phải đưa vào thiết kế bãi đổ thải, thiết kế chiều cao lấp đổ, hệ thống thoát nước, đê quây bãi thải... để bảo đảm yêu cầu an toàn.

Bất cập trong quy hoạch

Theo đánh giá của Cục Giám định Nhà nước



Thứ trưởng Lê Quang Hùng trao tiền ủng hộ đồng bào vùng thiên tai tỉnh Quảng Ninh

về chất lượng các công trình xây dựng (Bộ Xây dựng) thì quy hoạch chung đô thị và các điểm dân cư của tỉnh Quảng Ninh nói chung và thành phố Hạ Long nói riêng với các quy hoạch ngành vẫn còn những bất cập, cần rút kinh nghiệm và sớm có kế hoạch khắc phục. Hạ tầng kỹ thuật công trình nhất là hệ thống thoát nước từ đất liền ra biển chưa đáp ứng được yêu cầu và chưa phù hợp với địa hình, địa chất khu vực. Mặt khác, công tác bảo trì và định kỳ kiểm tra, đánh giá chất lượng, an toàn của công trình đập xỉ than cũng chưa được đảm bảo.

Trong buổi làm việc với lãnh đạo UBND tỉnh Quảng Ninh mới đây, Giám đốc Sở Xây dựng Quảng Ninh Nguyễn Mạnh Tuấn cho biết, từ năm 2012, Sở đã tổ chức rà soát và lập mới đồng loạt 7 quy hoạch chiến lược đều do các tổ chức tư vấn quốc tế lập. Trên cơ sở như các quy hoạch chiến lược đã được phê duyệt, tỉnh triển khai cơ bản quy hoạch kinh tế xã hội các địa phương. Tỷ lệ phủ kín quy hoạch chung đạt 100%, quy hoạch phân khu đạt 45%, quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 đạt 50%. Đây là tỷ lệ tương đối cao so với các địa phương. Ngoài ra các quy hoạch chuyên ngành, hạ tầng kỹ thuật... cũng được chú trọng.

Tỉnh Quảng Ninh đề nghị Bộ Xây dựng hỗ trợ rà soát lại các quy hoạch đang bộc lộ nhiều bất cập như cấp, thoát nước và sẽ điều chỉnh, bổ sung ngay trong thời gian tới, đặc biệt là quy

hoạch về điểm cư an toàn.

Ông Nguyễn Mạnh Tuấn cũng cho biết, phần lớn các công trình hạ tầng kỹ thuật xây dựng trên các triền đồi, nhất là nhà dân. Dù các công trình này đã được cấp phép xây dựng nhưng trong quá trình xây dựng không có kỹ thuật xử lý địa chất nên khi xảy ra thiên tai dễ mất an toàn.

Một trong những bất cập được tỉnh Quảng Ninh nhấn mạnh là quy hoạch ngành Than. Hiện nay, ngành Than chưa có quy hoạch chung mà chỉ có quy hoạch của các công ty thành viên và được thực hiện trong ranh giới khai thác nên thiếu tính kết nối hạ tầng giữa khu vực khai thác, sản xuất và các khu dân cư lân cận. Tại cuộc họp, đại diện ngành Than cũng thừa nhận thiệt hại trong đợt mưa lúc vừa qua là bài học đắt giá và ngành đang phải thực hiện các giải pháp trước mắt là gia cố đập chắn, nạo vét bãi chứa, về lâu dài phải hoàn thành quy hoạch chung, nghiên cứu lại toàn bộ các quy chuẩn tiêu chuẩn trong thiết kế các bãi thải.

Ông Đỗ Viết Chiến Cục trưởng Cục Phát triển đô thị (Bộ Xây dựng) nhận định: Từ thực tế và qua bài học của Quảng Ninh cần rà soát và cảnh báo cho tất cả các địa phương về việc gấp rút xác định bản đồ các khu vực ảnh hưởng thiên tai ngập lụt, sạt lở để xác định những khu vực an toàn, được cho phép xây dựng.

Các chuyên gia của Bộ Xây dựng cũng lưu ý tỉnh Quảng Ninh cần có phương án kết hợp hệ thống thủy lợi và phát triển đô thị để tránh ngập lụt bởi Quảng Ninh và nhiều đô thị miền núi có sông, suối chảy trong khu vực đô thị. Bên cạnh đó, cần kết hợp quy hoạch thủy lợi với quy hoạch phát triển đô thị để tránh dòng thoát lũ từ

vùng núi xuống. Trong phát triển đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật cần xác định các hạng mục, công trình ưu tiên để có lộ trình đầu tư, tìm các nguồn vốn thu hút đầu tư cho phù hợp từng giai đoạn.

Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh Quảng Ninh Đặng Huy Hậu đề nghị Bộ Xây dựng hỗ trợ tỉnh cũng như các đô thị miền núi trong cả nước nhanh chóng rà soát lại các quy hoạch đang bộc lộ nhiều bất cập như cấp thoát nước để điều chỉnh bổ sung trong thời gian tới, đặc biệt là quy hoạch về điểm dân cư bảo đảm an toàn. Ngành Than gấp rút hoàn thành quy hoạch chung, quy hoạch phân khu xác định rõ các khu khai trường, khu bãi đổ thải các khu vực có nguy cơ sạt lở, không bảo đảm môi trường đồng thời xác định hành lang bảo vệ môi sinh các khu dân cư.

Thứ trưởng Bộ Xây dựng Lê Quang Hùng cho biết sẽ yêu cầu các địa phương rà soát lại toàn bộ công tác quy hoạch khu dân cư, hạ tầng kỹ thuật đáp ứng yêu cầu phòng chống thiên tai và giảm nhẹ thiệt hại. Hiện nay Bộ Xây dựng đang hoàn thiện các quy chuẩn về hạ tầng kỹ thuật để giúp cho các địa phương có cơ sở lập, thẩm định các nội dung quy hoạch hạ tầng kỹ thuật. Tỉnh Quảng Ninh và các địa phương cần tập trung xử lý các vấn đề như ban hành quy chế quản lý nhà ở riêng lẻ, chuẩn bị "kịch bản" ứng phó trước mùa mưa lũ đối với toàn bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, nhất là cấp, thoát nước.

Trong dịp này, Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Bộ Xây dựng ủng hộ đồng bào vùng thiên tai tỉnh Quảng Ninh số tiền 40 triệu đồng.

Thu Hương - Đình Hà

Đại hội Hiệp hội Tám lợp Việt Nam nhiệm kỳ 2015 - 2020

Ngày 07/8/2015, Hiệp hội Tám lợp (HHTL) Việt Nam tổ chức Đại hội lần IV, nhiệm kỳ 2015 - 2020. Dự Đại hội có ông Lê Đình Tư - Chủ tịch

HHTL Việt Nam, đại diện lãnh đạo Vụ VLXD, Viện VLXD (Bộ Xây dựng), đại diện Bộ Khoa học công nghệ, Bộ Y tế, Hội Bê tông Việt Nam

cùng đại diện lãnh đạo các công ty thành viên HHTL Việt Nam.

Đến nay, ngành sản xuất tấm lợp phibro xi măng có 39 doanh nghiệp, với tổng công suất thiết kế khoảng 110 triệu m²/năm. Nhiệm kỳ 2010-2015, ngành tấm lợp Việt Nam đã vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, trong điều kiện nền kinh tế tăng trưởng thấp, đầu tư giảm sút, bất động sản đóng băng, các yếu tố đầu vào tăng cao... tạo nên nhiều áp lực cho Hiệp hội cũng như các doanh nghiệp, nhưng ngành tấm lợp phibro xi măng đã duy trì sản xuất tương đối ổn định. Bình quân 5 năm (2010 - 2014), ngành tấm lợp Việt Nam sản xuất được 80 triệu m²/năm, tiêu thụ 75 triệu m²/năm, tạo ra hơn 5.100 việc làm cho người lao động.

Trong nhiệm kỳ 2010 - 2015, Ban chấp hành Hiệp hội đã đại diện cho các đơn vị thành viên, nói tiếng nói của các đơn vị thành viên, bảo vệ quyền lợi của các đơn vị thành viên. Bên cạnh đó, Hiệp hội đã tích cực thực hiện chủ trương cho phép sử dụng amiang trắng có kiểm soát để sản xuất tấm lợp tại Quyết định số 121/2008/QĐ-TTg điều chỉnh quy hoạch phát triển VLXD đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

Phát biểu tại Đại hội, ông Lê Đình Tư - Chủ tịch HHTL Việt Nam cho biết: Trong những năm qua, ngành tấm lợp Việt Nam đã có những đóng góp lớn trong việc cung cấp cho thị trường hàng tỷ m² sản phẩm phibro xi măng chất lượng cao, chịu đựng điều kiện thời tiết khắc nghiệt, môi trường xâm thực, giá rẻ so với các loại tấm lợp khác. Từ 2010 đến nay, những kết quả nghiên cứu của Bộ Tài nguyên và Môi trường, của Bệnh viện Xây dựng - Bộ Xây dựng, của Cục Quản lý Môi trường Y tế - Bộ Y tế đều không tìm thấy mối liên hệ của amiang trắng với bệnh ung thư trung biểu mô trong công nhân ngành tấm lợp phibro xi măng.

Ông Tư cho biết thêm, Quyết định 1469/QĐ-TTg, ngày 22/08/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển ngành VLXD Việt Nam đến 2020, định hướng



*Đại hội Hiệp hội Tấm lợp Việt Nam
nhiệm kỳ 2015 - 2020*

đến 2030 là cơ sở pháp lý quan trọng để ngành sản xuất tấm lợp AC tồn tại và phát triển, tuy nhiên yêu cầu khắt khe đối với doanh nghiệp trong việc triển khai thực hiện.

Đại hội đã bầu ra Ban chấp hành Hiệp hội Tấm lợp Việt Nam nhiệm kỳ 2015 - 2020 gồm 20 thành viên. TS. Võ Quang Diệm - Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký HHTL Việt Nam nhiệm kỳ 2010 - 2015 được Đại hội tín nhiệm bầu giữ chức Chủ tịch HHTL Việt Nam khóa IV, nhiệm kỳ 2015 - 2020.

Đại hội cũng thông qua nhiệm vụ trọng tâm của nhiệm kỳ 2015 - 2020 là bảo vệ quan điểm cho phép sử dụng amiang trắng có kiểm soát để sản xuất tấm lợp phibro xi măng tại Việt Nam, bảo vệ các quan điểm và chủ trương của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định 1469/QĐ-TTg về tấm lợp xi măng sợi, bằng nhiều hình thức hoạt động, đồng thời chú trọng áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, tổ chức, đào tạo, ngoại giao.

Bên cạnh đó, Ban chấp hành HHTL Việt Nam nhiệm kỳ 2015 - 2020 cũng sẽ chú trọng triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về công nghệ sản xuất, chất lượng sản phẩm, môi trường, y tế, an toàn vệ sinh lao động, xây dựng ngành sản xuất tấm lợp phibro xi măng phát triển, sản xuất, kinh doanh ổn định, cung cấp cho người tiêu dùng các sản phẩm đạt quy chuẩn kỹ thuật, tăng sự lựa chọn cho người tiêu dùng.

Trần Đình Hà - Mai Anh

Những định hướng cơ bản về phát triển nhà ở tại Liên bang Nga

Vấn đề nhà ở là một nhiệm vụ quan trọng của công tác quản lý phát triển nhà ở và bộ phận không tách rời của quá trình tái cơ cấu nói chung, là một trong các ưu tiên của chính sách kinh tế - xã hội quốc gia mà chính sách nhà ở là một nội dung. Việc đẩy mạnh hoạt động đầu tư - xây dựng, tạo điều kiện thuận lợi cho sự tăng khối lượng xây dựng nhà ở và kích thích nhu cầu sẽ tác động đến sự nâng cao tính phù hợp của nhà ở.

Ngày nay việc bảo đảm tính phù hợp của nhà ở là một hướng phát triển then chốt trong tương lai gắn đối với công tác xây dựng nhà ở. Do đó, chúng ta cần phải nắm bắt được những xu thế phát triển kinh tế - xã hội sau đây cũng như sự vận hành của lĩnh vực phát triển nhà ở mà cho phép xác định được các yếu tố thị trường then chốt tham gia việc hình thành và tác động đến tính phù hợp của nhà ở.

Việc phân tích sự thay đổi của các chỉ tiêu về đầu tư và xây dựng giai đoạn 2000 - 2012 cho thấy năm 2012 mức tăng vốn đầu tư vào tài sản cố định đạt 15,2% so với 12,7% năm 2011. Tổng vốn đầu tư do các nhà thầu huy động bằng hình thức xây dựng theo phần vốn đóng góp cho hoạt động phát triển chung cư đạt 197 tỷ rúp bằng 40,2% so với 28,5% năm 2011. Điều đó cho thấy sự sôi động của hoạt động đầu tư trong ngành xây dựng.

Năm 2012 tổng giá trị sản phẩm của ngành xây dựng chiếm 5,5% của GDP nước Nga. Trong tổng khối lượng sản phẩm của ngành là 3,5 nghìn tỷ rúp, khối lượng xây dựng nhà thấp tầng đạt 600 tỷ rúp bằng 1% của GDP.

Năm 2012 xây dựng nhà ở tại LB Nga đạt kết quả tích cực, trong đó khối lượng xây dựng nhà ở nhiều tầng và xây dựng chưa hoàn thành đã tăng hơn. Trong nước xây dựng được 65,2 triệu m² nhà ở (bằng khoảng 90% khối lượng



Công trình mới xây dựng ở Mátxcova

xây dựng lớn nhất đạt được vào năm 1987 là 72,8 triệu m²). Xu thế tăng khối lượng nhà ở đưa vào sử dụng mà được xây dựng bởi các nhà xây dựng tư nhân cho thấy nhà nước không còn là nguồn cung nhà ở duy nhất.

Việc đánh giá kết quả thực hiện sự thay đổi theo hướng thị trường trong lĩnh vực xây dựng nhà ở hiện nay ở nước Nga cho thấy từ cuối thập niên 1980 đến nay khối lượng xây dựng nhà ở đã giảm 2 lần. Thêm vào đó sự tăng khối lượng xây dựng nhà ở thời gian qua không giảm nhẹ được tình trạng thiếu khả quan thể hiện ở việc bảo đảm nhà ở cho nhân dân. Sự tăng khối lượng nhà ở đưa vào sử dụng không đủ để bù đắp số lượng nhà ở thiếu những tiện nghi trên quy mô cần thiết mà nguyên nhân là do sự tăng khối lượng và tỷ trọng nhà ở hư hỏng cần loại ra khỏi quỹ nhà ở đạt mức cao hơn khối lượng nhà ở đưa vào sử dụng.

Tổng nhu cầu nhà ở của LB Nga hiện nay là 1,5 tỷ m² và nếu theo khối lượng nhà ở xây dựng năm 2012 là 65,2 triệu m² thì phải cần đến 20 - 25 năm mới đáp ứng được mức nhu cầu nêu trên.

Điều kiện quan trọng trong bảo đảm tính phù hợp của nhà ở đối với các đối tượng dân cư



Tổ hợp nhà ở mới xây dựng tại thành phố Mátxcova

là khuyến khích tăng nhu cầu có khả năng thanh toán đồng thời tăng khối lượng nhà ở đưa vào sử dụng. Đáng tiếc là đối với phần lớn cư dân hiện nay thị trường còn chưa cung ứng đủ loại nhà ở phù hợp trong điều kiện giá nhà ở tăng thường xuyên.

Việc nghiên cứu lĩnh vực nhà ở thời gian qua cho thấy những kết quả như sau:

1. Hiện nay chỉ 10% số dân có điều kiện mua hoặc xây dựng nhà ở và để sau 5 năm cứ 3 người thì có một người có thể thực hiện điều này thì vốn đầu tư vào xây dựng nhà ở cần đạt 5,5 nghìn tỷ rúp - một con số mà hiện nay trên thực tế không thể đạt được;

2. Sự tăng mức bảo đảm nhà ở tính trên một người (năm 2012 là 22 m² diện tích sử dụng/người) cần không chỉ sự tăng khối lượng xây dựng nhà ở mà cả sự giảm số dân. Sự khác biệt về mức bảo đảm nhà ở giữa các vùng là từ 14 m² (Cộng hòa Ingushetia) cho đến 30 m² (khu tự trị Chukotka);

3. Những nỗ lực giải quyết vấn đề xây dựng nhà ở bằng vốn ngân sách ở nước Nga tỏ ra thiếu hợp lý. Nhà ở của cư dân tại vùng ngoại vi bị giới hạn chặt chẽ về diện tích. Khẩu hiệu nêu ra vào thập niên 1980 về bảo đảm mỗi gia đình một căn hộ đã không được củng cố bằng các công cụ thực hiện.

Người dân được yêu cầu không giải quyết vấn đề nhà ở bằng nguồn lực của họ. Mặc dù khối lượng xây dựng nhà ở tăng nhưng số lượng hộ gia đình xếp hàng chờ được cải thiện điều kiện nhà ở vẫn tăng mạnh.

Sự xóa bỏ các hạn chế về pháp lý vào đầu



Một đường phố ở Kazan có dòng kênh chảy qua

thời kỳ chuyển đổi thị trường, sự xuất hiện của nhiều biện pháp khác nhau giải quyết vấn đề nhà ở khiến số lượng gia đình xếp hàng chờ được cải thiện điều kiện nhà ở giảm mạnh, từ 9,96 triệu hộ vào năm 1990 còn 2,82 triệu hộ vào năm 2011. Sự phát triển thị trường nhà ở thể hiện vai trò của mình.

Khả năng tư nhân hóa quỹ nhà ở trên cơ sở không phải trả tiền khiến tỷ trọng quỹ nhà ở tư nhân tăng từ 30% (chủ yếu là nhà ở nông thôn) lên đến 86%. Tuy nhiên quá trình tư nhân hóa quỹ nhà ở không bảo đảm nâng cao hiệu quả khai thác quỹ.

4. Nguy cơ nảy sinh từ ngừng tư nhân hóa nhà ở đã kích thích hoạt động tư nhân hóa của người dân. Tuy nhiên sự tiếp tục của quá trình trên sẽ xóa bỏ loại nhà ở xã hội mà đó cũng là toàn bộ quỹ nhà ở được xây dựng bằng vốn ngân sách nhà nước. Tại nhiều nước trên thế giới, loại nhà ở xã hội cần được quy định rõ và các tiêu chí giúp xác định quyền được nhận và sử dụng nhà ở xã hội cũng phải được thiết lập. Các tiêu chí đó chủ yếu gắn với mức thu nhập của hộ gia đình, đòi hỏi sự phê duyệt một cách có hệ thống và có thời hạn.

Hệ thống nhà ở chung cư không phát triển được do sự cắt giảm kinh phí ngân sách dành cho xây dựng và sửa chữa. Quan điểm tiết kiệm ngân sách nảy sinh từ quá trình thực hiện các thay đổi đối về nhà ở còn tồn tại đến ngày nay

và tỏ ra không phù hợp xét từ quan điểm công bằng xã hội và sự hợp lý về kinh tế. Sự giảm kinh phí dành cho xây dựng nhà ở khiến khối lượng nhà ở đưa vào sử dụng giảm mạnh.

5. Thị trường nhà ở thiếu cân đối trầm trọng. Nhu cầu nhà ở chỉ tính riêng cho những người xếp hàng cải thiện điều kiện nhà ở trên thực tế đã cao gấp 8,7 lần mức cung nhà ở vào năm 1990 còn hiện nay cao hơn 3 lần.

6. Hệ số thể hiện cho sự phù hợp của nhà ở (được xác định theo các chỉ tiêu sau: Giá trung bình của 1 m² nhà ở; thu nhập trung bình của 1 người nhân lên 3 lần (hộ gia đình có 3 người) và tiêu chuẩn diện tích nhà ở tính cho loại hộ gia đình nêu trên là 54 m²). Xét về bản chất kinh tế chỉ tiêu trên chỉ đặc trưng cho một trong các yếu tố hình thành tính phù hợp của nhà ở là tỷ lệ giữa giá nhà ở trên thị trường và mức thu nhập của người dân. Mức phù hợp của nhà ở đạt được vào năm 2012 là 3,27 vẫn thấp hơn giá trị được đề ra tại Chương trình “Nhà ở” cho năm 2012 là 3,6.

7. Kết quả khảo sát ngân sách hộ gia đình cho thấy 5,7% số chủ hộ không hài lòng với điều kiện nhà ở trong đó nguyên nhân nhà ở chật chội chiếm 27,6% số hộ và 48,6% số hộ có trẻ nhỏ; 1/4 số hộ phàn nàn về thiếu nhiệt và cách âm; 1/10 số hộ cho rằng điều kiện ở chưa tốt hoặc rất kém.

10% số hộ gia đình dự định sẽ cải thiện điều kiện ở trong thời gian 2 - 3 năm tới; 1/3 trong số đó dự định mua nhà ở khác chủ yếu trên thị trường nhà ở thứ cấp hoặc xây dựng nhà ở mới để cư trú thường xuyên. Đối với việc mua (xây) nhà ở khác, 39,2% số hộ gia đình nêu trên dự định sử dụng tiền tích lũy được, 36,6% số hộ dự định sử dụng tiền từ bán nhà ở hiện có, 31,4% số hộ dự định vay tín dụng thế chấp bất động sản và 19,7% số hộ dự định sử dụng trợ cấp sinh đẻ.

Khoảng 36,6% số người Nga dự định tạo lập nhà ở trên cơ sở nhà ở cũ hiện có của họ. Trên 31% số người Nga dự định vay vốn tín dụng thế



Nhà hát có mái vòm

chấp bất động sản và 3,7% số người Nga dự định sử dụng trợ cấp của nhà nước. Loại trợ cấp của nhà nước được sử dụng phổ biến nhất là trợ cấp sinh đẻ theo đó 19,7% cư dân dự định sử dụng loại trợ cấp này cho việc mua căn hộ.

Hiện nay gần 2,8 triệu hộ gia đình (bằng 2% số dân) được công nhận đang có nhu cầu cấp thiết cải thiện điều kiện nhà ở xét về tiêu chí diện tích sử dụng tính theo đầu người. Trong quá trình phát triển của cơ chế thị trường, việc giải quyết vấn đề nhà ở cho người đang xếp hàng cải thiện điều kiện nhà ở chủ yếu được thực hiện đối với người có thu nhập thấp.

Do đó, những định hướng then chốt phát triển nhà ở trong tương lai gần được xác định như sau: Bảo đảm tính phù hợp của nhà ở; phát triển loại nhà ở kinh tế; phát triển các cơ chế tài chính và các hình thức mới quản lý quỹ nhà ở. Điều kiện nhà ở giữ vai trò quan trọng quyết định chất lượng sống của nhân dân và ảnh hưởng đến quá trình dân số, hoạt động kinh tế và năng suất lao động. Do vậy, sự phù hợp và khả năng dễ tiếp cận nhà ở là những yếu tố rất quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội đất nước. Đáng tiếc là mặc dù sự phát triển của hệ số về sự phù hợp của nhà ở đã đạt được những kết quả tích cực, tuy nhiên việc hình thành quỹ nhà ở phù hợp còn hàng loạt vấn đề cần giải quyết sau đây:

1. Chỉ tiêu về tính phù hợp của nhà ở còn khác biệt lớn so với sự phù hợp trên thực tế của nhà ở do chưa tính đến các chi phí thường ngày



Khu nhà ở ven sông

của hộ gia đình và còn khác biệt nhiều so với các tiêu chí mang tính quốc tế;

2. Việc phát triển nhà ở một cách đồng bộ cần phải được thực hiện trên cơ sở hình thức đối tác công - tư và sự đồng tài trợ của ngân sách về phần đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng và xây dựng nhà ở theo các chương trình xã hội và chương trình mục tiêu kết hợp với việc huy động kinh phí từ các nguồn ngân sách của liên bang, vùng và địa phương;

3. Nâng cao khả năng thanh toán của nhân dân như là một điều kiện rất quan trọng bảo đảm tính phù hợp của nhà ở và phát triển thị trường nhà ở trong nước cần phải được thực hiện thông qua phát triển hệ thống hỗ trợ tài chính cho nhân dân trên cơ sở tính đến thu nhập thực tế của nhân dân và khả năng thanh toán của nhân dân trên thị trường nhà ở. Do vậy, định hướng cơ bản hình thành thị trường nhà ở hiện đại là phát triển các cơ chế tín dụng tài chính mới. Điều quan trọng là nâng cao tính dễ tiếp cận của tín dụng thế chấp bất động sản và tiết kiệm xây dựng nhà ở, giảm giá trị khoản đóng góp ban đầu và lãi suất vay tín dụng, thông qua việc áp dụng các hình thức tín dụng mới trên cơ sở cách tiếp cận có tính đến sự khác nhau về phân bố thu nhập của nhân dân;

4. Đối với việc hoàn thiện các hình thức quản lý quỹ nhà ở cần phát triển các thể chế hợp tác xã của các chủ sở hữu căn hộ và hoàn thiện cơ chế nhằm thành lập các condominium. Với mục tiêu làm sâu sắc hơn các cải cách



Tổ hợp nhà ở kiểu khách sạn 5 sao

được thực hiện và nâng cao tính phù hợp của nhà ở cũng như để hợp lý hóa các mối quan hệ về nhà ở cần phải xây dựng chương trình phát triển các hợp tác xã nhà ở - xây dựng;

5. Mặc dù khối lượng đầu tư đã tăng hơn và kinh tế đã tăng trưởng tuy nhiên tốc độ xây dựng và hiện đại hóa các công trình kết cấu hạ tầng còn chậm hơn nhiều so với tốc độ xây dựng nhà ở. Công suất của các doanh nghiệp thuộc ngành công trình công cộng hoạt động tại khu vực có các hoạt động xây dựng và tình trạng thiếu đất cho xây dựng đã được xây dựng công trình kết cấu hạ tầng cũng là một trong những yếu tố cơ bản kìm hãm sự phát triển của hoạt động xây dựng nhà ở. Do đó, việc phát triển kết cấu hạ tầng công cộng cần phải thông qua sự hình thành các chương trình đầu tư và phối hợp chặt chẽ với các chương trình phát triển nhà ở sau đó là để bảo đảm cung cấp cho các công trình xây dựng hiện có và các công trình xây dựng mới các dịch vụ công cộng đảm bảo chất lượng, bảo đảm sự cung cấp một cách không gián đoạn năng lượng và nước cho đô thị và điểm dân cư;

6. Một yếu tố rất quan trọng giúp nâng cao hiệu quả xây dựng, bảo đảm khả năng cạnh tranh của các đơn vị xây dựng, giảm giá thành và nâng cao tính phù hợp của nhà ở là đổi mới hoạt động đầu tư phát triển nhà ở. Cơ sở cho sự đổi mới sự phát triển của ngành là hiện đại hoá các

doanh nghiệp thuộc ngành xây dựng, ứng dụng rộng rãi các công nghệ mới cho hiệu quả bảo đảm giảm giá thành của sản phẩm xây dựng, tiết kiệm nguồn lực và năng lượng trong quá trình xây dựng và khai thác nhà và công trình;

7. Tầm quan trọng của ngành xây dựng đối với nền kinh tế đất nước được quyết định bởi vai trò của ngành đối với việc hình thành và đổi mới tiềm lực sản xuất - kỹ thuật của tất cả các ngành. Các nhiệm vụ cơ bản phát triển tiềm lực sản xuất - kỹ thuật của nền kinh tế là bảo đảm tính dễ tiếp cận đất xây dựng đối với các nhà đầu tư tiềm năng trên cơ sở hình thành một tổng thể hệ thống sử dụng đất minh bạch, hiện đại hoá cơ sở vật

chất - kỹ thuật của ngành xây dựng, nâng cao công suất sản xuất vật liệu xây dựng và phát triển cơ sở nguyên liệu của địa phương.

Do đó, các định hướng ưu tiên phát triển xây dựng nhà ở xét về tổng thể giúp hình thành các điểm tăng trưởng của nền kinh tế đất nước và cho phép đánh giá hoạt động phát triển loại nhà ở phù hợp khả năng kinh tế.

Mustafina L.R

Nguồn: Bản tin của Trường đại học Kiến trúc và xây dựng Kazan, số 1/2014

ND: Huỳnh Phước

Các biện pháp bảo vệ môi trường nông thôn ở tỉnh Giang Tô, Trung Quốc

I. Những thành quả của công tác vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Giang Tô

1. Nỗ lực xây dựng môi trường nông thôn sinh thái, tươi đẹp

Từ năm 2003 đến nay, tỉnh Giang Tô, Trung Quốc đã triển khai hàng loạt hoạt động xây dựng môi trường làng quê, thị trấn tươi đẹp, các thôn làng sinh thái. Tính đến năm 2011, toàn tỉnh đã xây dựng được 145 làng quê và thị trấn tươi đẹp cấp quốc gia, 13 thôn sinh thái cấp quốc gia, 1.242 thôn sinh thái cấp tỉnh, tỷ lệ cấp nước sinh hoạt đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh nước sạch đạt 100%, các cơ sở công nghiệp trọng điểm đạt tiêu chuẩn phát thải 100%.

2. Khởi động công tác thí điểm xử lý tổng hợp môi trường nông thôn

Từ năm 2008, tỉnh Giang Tô đã khởi động dự án thí điểm xử lý tổng hợp môi trường nông thôn, lấy xử lý ô nhiễm làm trọng điểm với mục tiêu "làm sạch nguồn nước, làm sạch ruộng vườn, làm sạch nhà cửa". Thông qua xây dựng cơ chế xử lý rác thải sinh hoạt nông thôn thống nhất dưới hình thức thôn thu gom, thị trấn vận chuyển, huyện xử lý, giúp tỷ lệ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải đạt trên 90%, tỷ lệ tái

chế, tận dụng tổng hợp màng phủ nông nghiệp đạt 100%. Tỉnh Giang Tô cũng nỗ lực thúc đẩy xây dựng các công trình bể sinh học để làm sạch nguồn nước sinh hoạt ô nhiễm tại nông thôn, đồng thời tìm tòi xây dựng các cơ sở xử lý nước sinh hoạt ô nhiễm nông thôn tập trung một cách thích hợp, sử dụng kỹ thuật để tận dụng tổng hợp rơm rạ lên tới trên 90%. Thêm vào đó, việc kiểm tra, giám sát, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường cũng được tăng cường.

3. Đẩy mạnh công tác xử lý môi trường nông thôn kiểu mẫu

Năm 2010, tỉnh Giang Tô được xác định thuộc nhóm các tỉnh thí điểm đầu tiên về xử lý môi trường nông thôn, công tác xử lý môi trường nông thôn bước vào giai đoạn mới. Đến năm 2013, nguồn vốn đầu tư 2,31 tỷ NDT được triển khai cho công tác xử lý môi trường tại 21 huyện (thành phố, khu vực), 217 thị trấn, hơn 3.200 thôn, xây dựng được 982 trạm xử lý nước thải sinh hoạt nông thôn, 132 trạm vận chuyển rác thải sinh hoạt, 11 trung tâm xử lý tập trung phân chôn nuôi, lắp đặt 4.300 km đường ống thu gom nước thải sinh hoạt, xây dựng mới gần 60 nghìn

km đường nông thôn, xây dựng nhà vệ sinh cải tiến cho 2 triệu hộ gia đình, làm sạch hơn 60 triệu m² ao hồ, phủ xanh hơn 9 triệu m² thôn trang, hiện tượng gây mất vệ sinh thôn làng đã có được sự cải thiện rõ rệt.

II. Sự khác biệt vùng miền nông thôn tại Giang Tô

1. Sự khác biệt về trình độ phát triển kinh tế nông thôn

Tỉnh Giang Tô là tỉnh ven biển phía Đông của Trung Quốc, kinh tế nông nghiệp phát triển nhanh chóng, khoảng cách giữa các khu vực không ngừng được thu hẹp. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của nhiều vấn đề như môi trường tự nhiên và tài nguyên, vị trí địa lý và điều kiện giao thông, nền tảng kinh tế và bối cảnh văn hóa lịch sử... cho nên sự khác biệt trong phát triển kinh tế nông thôn của tỉnh vẫn hết sức rõ rệt. Theo tài liệu thống kê, năm 2012, GDP theo bình quân đầu người tại Tô Nam, Tô Trung, Tô Bắc lần lượt là 101.370 NDT, 62.208 NDT, 40.914 NDT, tỷ lệ giữa 3 nơi là 2,48:1,52:1. Trong gần 10 năm trở lại đây, tỷ lệ thu nhập bình quân đầu người của người dân nông thôn tại Tô Nam, Tô Trung, Tô Bắc cũng vẫn duy trì mức tỷ lệ 1,70:1,25:1.

2. Sự khác biệt về kết cấu công nghiệp nông thôn

Tuy kinh tế nông nghiệp nông thôn, công nghiệp và dịch vụ của tỉnh Giang Tô trong mấy năm gần đây đều có những bước phát triển nhất định, nhưng xét một cách tương đối, Tô Bắc lấy nông nghiệp làm chủ đạo, Tô Trung lấy công nghiệp làm chủ đạo còn Tô Nam lấy công nghiệp và dịch vụ làm chủ đạo. Trong kết cấu nông nghiệp, năm 2012, ngành nông, lâm, ngư nghiệp, chăn nuôi gia súc gia cầm và các ngành dịch vụ có liên quan tại Tô Bắc, Tô Trung, Tô Nam có tỷ lệ lần lượt là 53,80 : 2,47 : 25,90 : 13,91 : 3,92 và 47,24 : 1,26 : 21,48 : 24,06 : 5,96 và 50,58 : 4,02 : 14,60 : 22,23 : 8,57. Tỷ lệ đó cho thấy, ngoài trồng trọt, Tô Bắc lấy việc chăn nuôi gia súc, gia cầm làm chủ

đạo, Tô Trung coi trọng song song nuôi trồng thủy sản và chăn nuôi, Tô Nam lại nổi bật về nuôi trồng thủy sản. Trong kết cấu công nghiệp, Tô Bắc tiếp nhận nhiều hơn sự chuyển dịch công nghiệp từ Tô Nam, còn Tô Nam lại từng bước chuyển đổi ngành nghề theo hướng có giá trị cao.

Sự khác biệt trong kết cấu công nghiệp trực tiếp ảnh hưởng tới sự khác nhau của nguồn ô nhiễm và loại hình ô nhiễm. Vùng nông thôn Giang Tô vừa có ngành thứ 2, thứ 3 làm cơ sở với kinh tế khu vực Tô Nam phát triển tốc độ cao, cũng có ngành thứ 1 làm cơ sở với khu vực Tô Bắc phát triển kinh tế chậm. Sự khác biệt này đã có ảnh hưởng khác nhau tới môi trường nông thôn.

3. Sự khác biệt về phương thức sản xuất nông nghiệp

Hiện tại, việc canh tác nông nghiệp truyền thống đã bị thay thế bởi phương thức canh tác nông nghiệp hiện đại với nguồn đầu tư nhiều, ô nhiễm cao, việc phổ biến sử dụng phân bón hóa học khiến cho rơm rạ, phân người và vật nuôi... đã biến thành nguồn gây ô nhiễm nghiêm trọng. Cơ giới hóa, hóa học hóa, chuyên sâu hóa trong nông nghiệp, trồng trọt trên diện tích lớn chuyên canh một loại sản phẩm và chăn nuôi với mật độ cao, đầu tư lớn không những phá hoại mô hình kinh tế nông nghiệp tuần hoàn mà còn làm tổn hại tính đa dạng sinh vật và môi trường sinh thái, phá hoại nghiêm trọng hệ thống sinh thái nông thôn và nông nghiệp, làm gia tăng tính kém trong hệ thống sinh thái nông nghiệp. Tô Bắc do tỷ trọng nông nghiệp khá lớn và phương thức sản xuất quảng canh, lượng phát thải các chất ô nhiễm cao hơn nhiều so với Tô Trung và Tô Nam

4. Sự khác biệt trong phương thức sinh hoạt của người dân nông thôn

Cùng với việc mức sống ngày càng được nâng lên, sự thay đổi trong phương thức sinh hoạt của người dân nông thôn cũng làm tăng thêm áp lực đối với môi trường sinh thái nông

thôn, đặc biệt là sự phổ cập của các loại chế phẩm từ nhựa, các loại thiết bị gia dụng ... nhưng lại thiếu các biện pháp tái chế sau khi hết hạn sử dụng, điều này đã khiến cho tính độc hại trong rác thải sinh hoạt nông thôn gia tăng, tính phân hủy sinh học giảm. Khu vực Tô Bắc có mức tiêu dùng khá thấp so với các khu vực khác do điều kiện kinh tế kém hơn, nên lượng rác thải sinh hoạt cũng ít hơn Tô Trung và Tô Nam.

III. Biện pháp xây dựng môi trường nông thôn tỉnh Giang Tô

1. Thúc đẩy xử lý toàn diện môi trường nông thôn

Mọi người dân nông thôn đều có quyền lợi được hưởng một môi trường sinh thái tốt đẹp. Vẻ đẹp của môi trường sinh thái cần có ở mọi nơi chứ không phải chỉ là các khu vực thí điểm, hơn nữa, môi trường chính là một hệ thống mang tính mở, môi trường của một khu vực có mối liên quan mật thiết tới các khu vực xung quanh. Vì vậy, khi tiến hành một loạt các công trình thí điểm, kiểu mẫu, cần thúc đẩy toàn diện việc xử lý toàn diện khu vực nông thôn.

2. Thực thi biện pháp phân biệt khu vực

Do các yếu tố khác biệt giữa các vùng miền về môi trường tự nhiên cũng như điều kiện kinh tế xã hội, tỉnh Giang Tô có những đặc trưng ô nhiễm môi trường mang tính khu vực rõ rệt tại 3 vùng Bắc, Trung, Nam, biểu hiện ở chỗ tổng lượng cũng như nồng độ phát thải nguồn ô nhiễm đang dần có xu thế gia tăng từ Nam ra Bắc. Vì vậy, mỗi khu vực đều đang nỗ lực triển khai các biện pháp phù hợp:

- Khu vực Tô Nam: Tập trung cho việc xử lý ô nhiễm công nghiệp tại nông thôn; Tăng cường quy hoạch, xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ sinh hoạt tại nông thôn; Tối ưu hóa các kỹ thuật sản xuất và kết cấu công nghiệp nông thôn.

- Khu vực Tô Bắc: Tích cực thúc đẩy sinh thái nông nghiệp phát triển với hiệu quả cao; Tăng cường quản lý giám sát sự phát triển công nghiệp nông thôn; Từng bước thúc đẩy cải thiện môi trường cư trú của người dân.

- Khu vực Tô Nam: Hiện đại hóa sản xuất nông nghiệp; Tăng cường phòng trừ ô nhiễm công nghiệp.

3. Xây dựng hệ thống quản lý môi trường sinh thái nông thôn hiệu quả dài lâu

Bên cạnh việc thực hiện các biện pháp phù hợp với điều kiện của từng vùng miền, việc xây dựng hệ thống quản lý môi trường hiệu quả dài lâu cũng hết sức cần thiết, vì vậy, tỉnh Giang Tô cũng đã chú trọng vào các biện pháp để tăng cường quản lý môi trường hiệu quả:

- Phát triển quản lý công nghệ hóa.

- Xây dựng kênh tài chính về bảo vệ môi trường nông thôn.

- Đẩy mạnh kiện toàn cơ cấu quản lý bảo vệ môi trường nông thôn.

Ngũ Yển Nam, Vương Diệu

Nguồn: TC Xây dựng đô thị và nông thôn Trung Quốc, số 3/2015

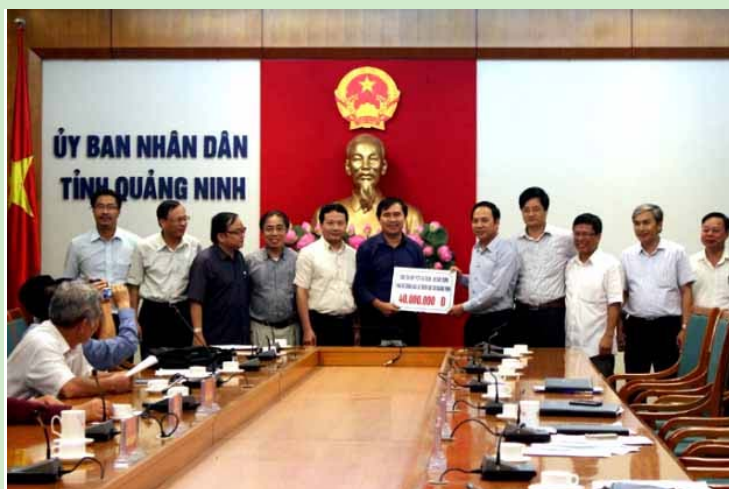
ND: Kim Nhạn

THỨ TRƯỞNG LÊ QUANG HÙNG CHỈ ĐẠO KHẮC PHỤC HẬU QUẢ MƯA LŨ TẠI QUẢNG NINH

Hà Nội, ngày 08 tháng 8 năm 2015



Thứ trưởng Lê Quang Hùng cùng đoàn chuyên gia Bộ Xây dựng khảo sát hiện trường thiên tai tại tỉnh Quảng Ninh



Thứ trưởng Lê Quang Hùng trao tiền ủng hộ đồng bào vùng thiên tai tỉnh Quảng Ninh